

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển và hội nhập nhiều doanh nghiệp trên cùng một địa bàn cùng kinh doanh những sản phẩm giống nhau nên sự cạnh tranh lẫn nhau ngày càng trở nên khó khăn hơn. Vì vậy, để tiêu thụ được sản phẩm hàng hoá đạt lợi nhuận cao thì các doanh nghiệp phải thường xuyên theo dõi tình hình biến động của thị trường đưa ra các chiến lược tiêu thụ kịp thời để hạn chế những bất lợi đối với lợi nhuận của doanh nghiệp.

Lợi nhuận của doanh nghiệp là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động đầu tư tài chính và lợi nhuận bất thường khác. Lợi nhuận càng cao thì tình hình tài chính càng ổn định. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là làm sao đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh. Do đó, cuối kỳ kinh doanh doanh nghiệp phải xác định kết quả kinh doanh xem lãi hay lỗ từ đó có biện pháp quản lý doanh nghiệp thích hợp để đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh.

Trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh kết quả tiêu thụ, ghi nhận doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp đầy đủ và kịp thời góp phần đẩy tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất. Việc ghi chép chính xác nghiệp vụ kinh tế này có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình thực hiện tài chính doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng đó và qua tìm hiểu thực tế tình hình tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần đầu tư Thuận Thiên kết hợp với lý thuyết đã học ở trường, em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư Thuận Thiên”*** cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, kết cấu của khoá luận gồm 3 chương sau:

- *Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.*

- *Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư Thuận Thiên.*

- Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư Thuận Thiên.

Với mong muốn được củng cố, hoàn thiện và ngày càng nâng cao trình độ nghiệp vụ về kế toán, em rất mong được sự xem xét, chỉ bảo, tham gia góp ý kiến của các quý thầy cô nhằm giúp cho luận văn này đạt kết quả tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1.1. Một số khái niệm về các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

- *Bán hàng*: Là quá trình chuyển giao quyền sở hữu từ người bán sang người mua đồng thời người bán có quyền đòi tiền về số sản phẩm đã chuyển giao.

- *Doanh thu*: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- *Doanh thu thuần*: Là số chênh lệch giữa doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu

- *Thời điểm ghi nhận doanh thu*: Là thời điểm người mua chấp nhận thanh toán.

- *Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+ *Kết quả sản xuất kinh doanh*: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn của hàng hoá, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

+ *Kết quả hoạt động khác*: là chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và khoản chi phí khác

1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ/BTC ngày 31/12/2001 của Bộ tài chính.

• *Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn 5 điều kiện sau:*

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng bán cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

• *Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận thoả mãn 4 điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

• *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:*

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

1.1.3. Nguyên tắc xác định doanh thu

- Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

- Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thoả thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ (-) các khoản chiết

khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

- Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

- Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu.

- Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ khác không tương tự thì trao đổi đó được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu.

1.1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Phản ánh và giám sát kế hoạch tiêu thụ sản phẩm. Tính toán và phản ánh chính xác kịp thời doanh thu bán hàng

- Ghi chép và phản ánh kịp thời các khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu bán hàng hoặc doanh thu của số hàng bị trả lại để sản xuất chính xác doanh thu bán hàng thuần.

- Tính toán chính xác, đầy đủ và kịp thời kết quả tiêu thụ

- Tham gia công tác kiểm kê, đánh giá sản phẩm, lập các báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm

- Theo dõi chặt chẽ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp để làm cơ sở cho việc tính toán chính xác kết quả hoạt động kinh doanh

- Phản ánh với Ban giám đốc một cách chính xác kịp thời mọi hoạt động kinh doanh

- Cung cấp thông tin cho việc kiểm tra, đánh giá, điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp làm cơ sở lựa chọn phương án kinh doanh có hiệu quả

- Giám sát tình hình thực hiện dự toán chi phí, thực hiện kế hoạch lợi nhuận bán hàng và tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước,

đảm bảo thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

1.2. TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

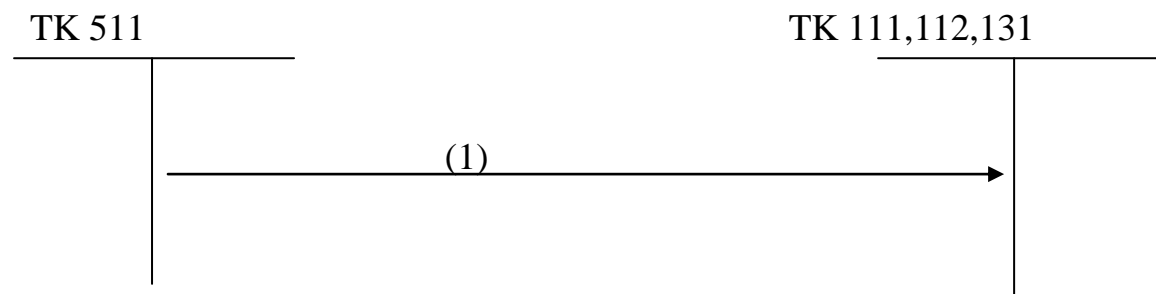
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

* Các phương thức tiêu thụ hàng hoá chủ yếu trong các doanh nghiệp

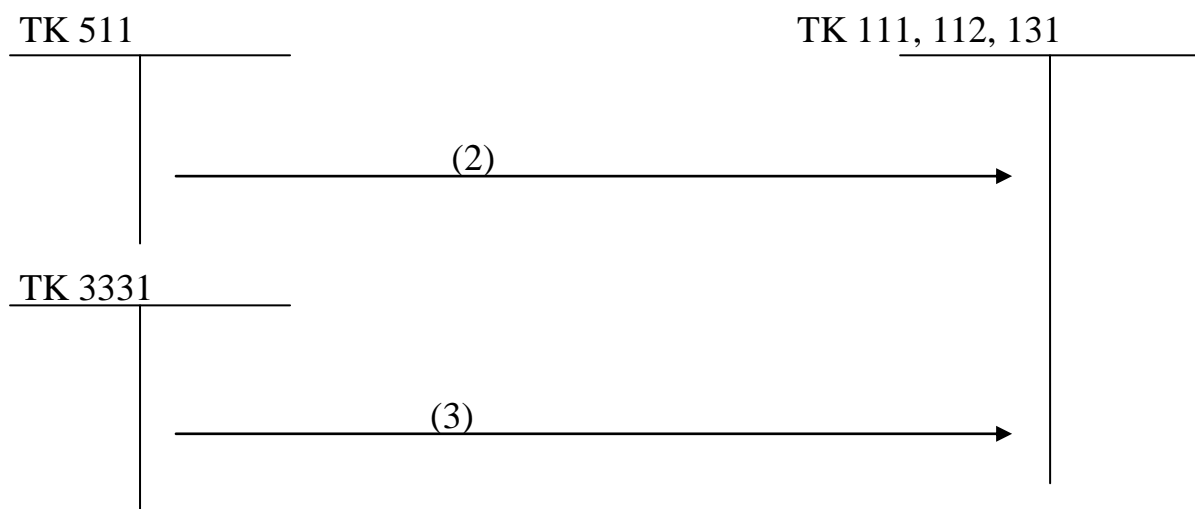
➤ Phương thức bán hàng trực tiếp

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hoá đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp
 + Nếu doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp trực tiếp



+ Nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:



Ghi chú:

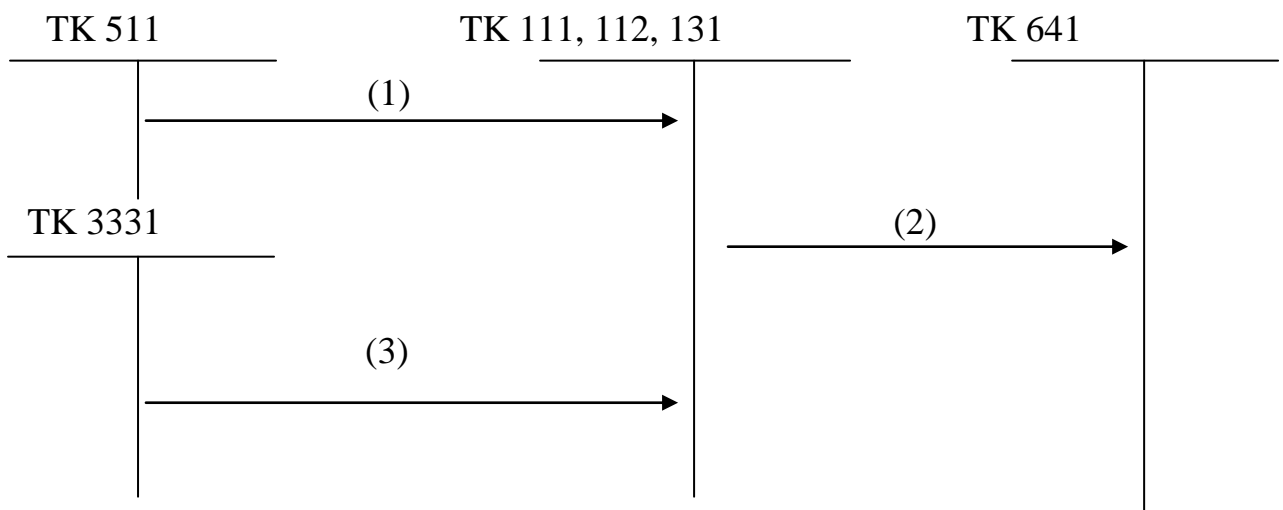
- (1) Tổng giá thanh toán
- (2) Doanh thu bán hàng chưa có thuế GTGT
- (3) Thuế GTGT phải nộp

➤ *Phương thức bán hàng qua các đại lý, ký gửi hàng*

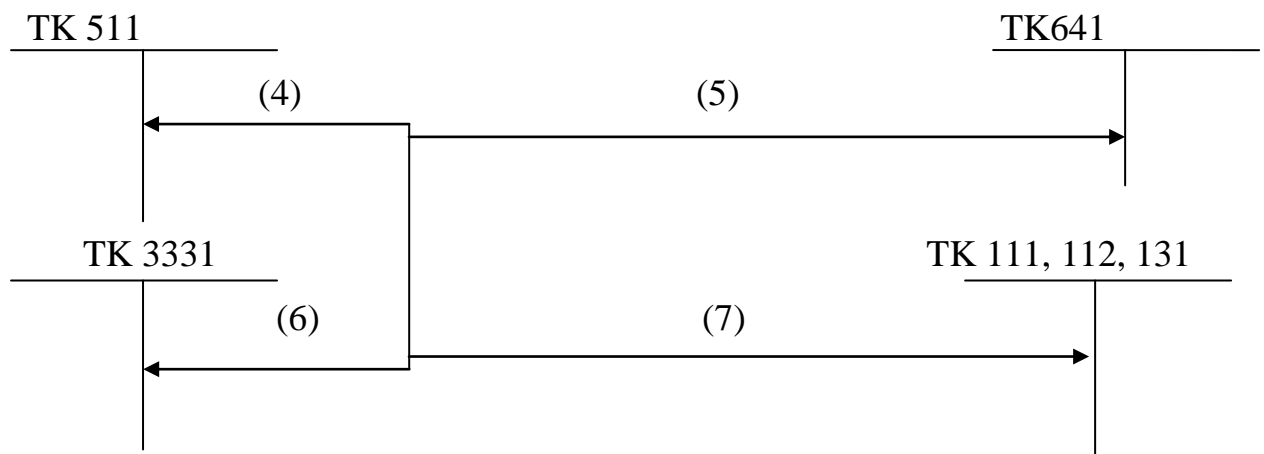
Theo phương thức này, bên bán có hàng bán gửi hàng cho các đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên có hàng bán cho đến khi hàng được tiêu thụ. Khi số hàng bán được, thì chủ hàng sẽ trả cho các đại lý, bên nhận bán hàng ký gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ phần trăm(%) trên giá bán của số hàng đã bán được. Khoản hoa hồng này hạch toán vào chi phí bán hàng

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua các đại lý, ký gửi

- Nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:
 - Trường hợp doanh thu và tiền hoa hồng đại lý tách rời nhau

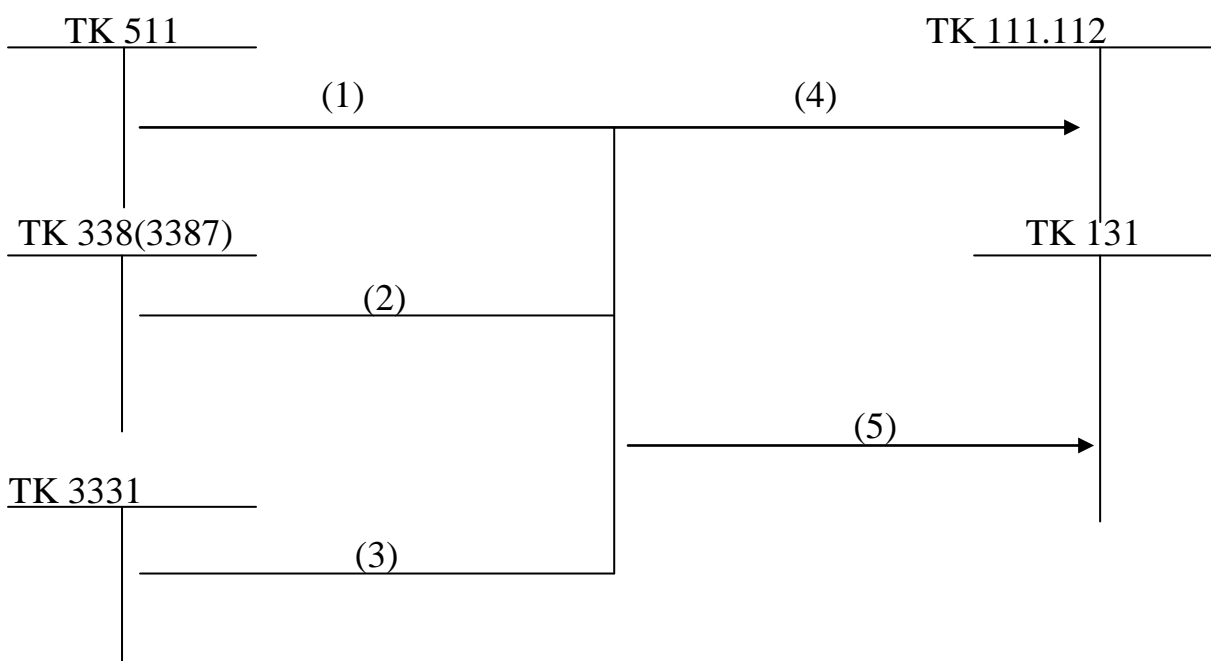


- Trường hợp tính tiền hoa hồng ngay vào doanh thu



người mua thì được coi là hàng tiêu thụ và được ghi nhận doanh thu. Doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần; khách hàng chỉ thanh toán một phần tiền mua hàng để nhận hàng và phần còn lại trả dần trong một thời gian và chịu khoản lãi theo quy định hợp đồng

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu trong trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



Ghi chú:

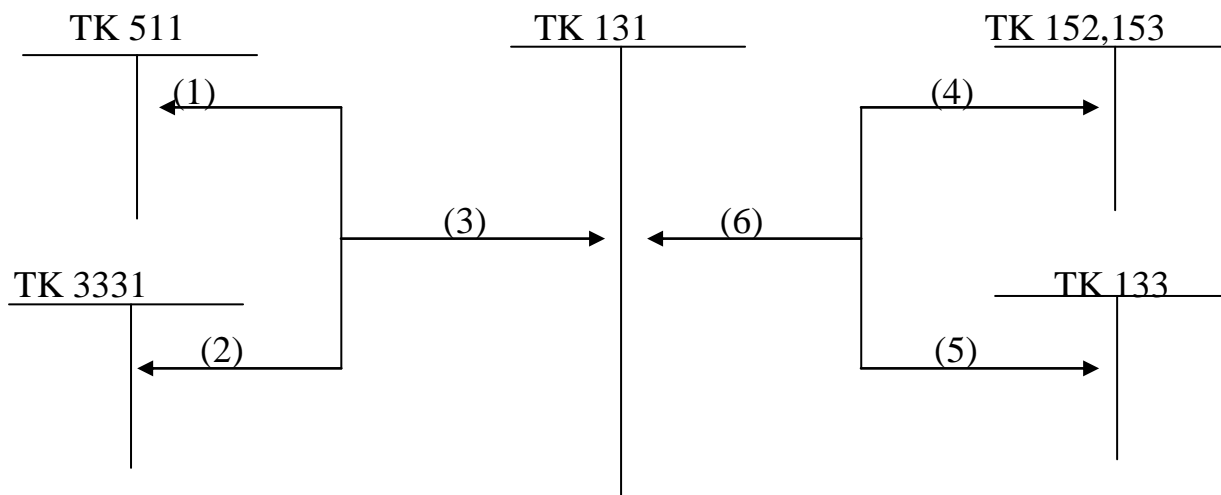
- (1) Doanh thu bán hàng ghi theo giá bán trả tiền ngay
- (2) Lãi trả góp hoặc lãi trả chậm phải thu của khách hàng
- (3) Thuế GTGT đầu ra
- (4) Số tiền đã thu của khách hàng
- (5) Tổng số tiền còn phải thu khách hàng

➤ *Phương thức bán hàng trao đổi hàng hoá*

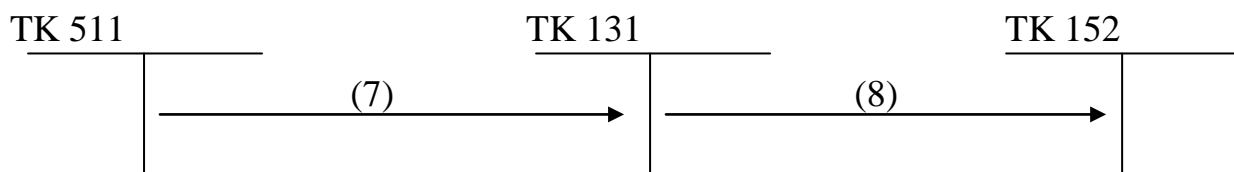
Theo phương thức này, hàng hoá của doanh nghiệp đi tiêu thụ nhưng doanh thu tính bằng giá trị hàng hoá nhận được. Phương thức tiêu thụ này được áp dụng giữa những doanh nghiệp có mối quan hệ với nhau về mặt lưu thông sản phẩm hàng hoá

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức trao đổi hàng hóa

- Nếu doanh nghiệp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ



- Nếu doanh nghiệp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp



Ghi chú:

- (1) Doanh thu bán hàng chưa có thuế GTGT
- (2) Thuế GTGT phải nộp
- (3) Số tiền phải thu
- (4) Giá trị hàng hoá nhận về
- (5) Thuế GTGT được khấu trừ
- (6) Số tiền đã thu
- (7) Tổng giá thanh toán
- (8) Giá trị hàng nhận về

* *Chứng từ và tài khoản sử dụng*

- Chứng từ sử dụng

Chứng từ chủ yếu được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung

cấp dịch vụ gồm:

+ Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – SLL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

+ Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

+ Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH)

+ Thẻ quỹ hàng (Mẫu 15 – BH)

+ Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán...)

+ Tờ khai thuế GTGT (Mẫu 07A/GTGT)

• Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 511 – Doanh thu cung cấp dịch vụ và hàng hoá

TK 512 – Doanh thu nội bộ

+ TK 511 – Doanh thu cung cấp dịch vụ và hàng hoá

Tài khoản này có 5 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hoá

- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm

- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá

- Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

+ TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hoá

- Tài khoản 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm

- Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ

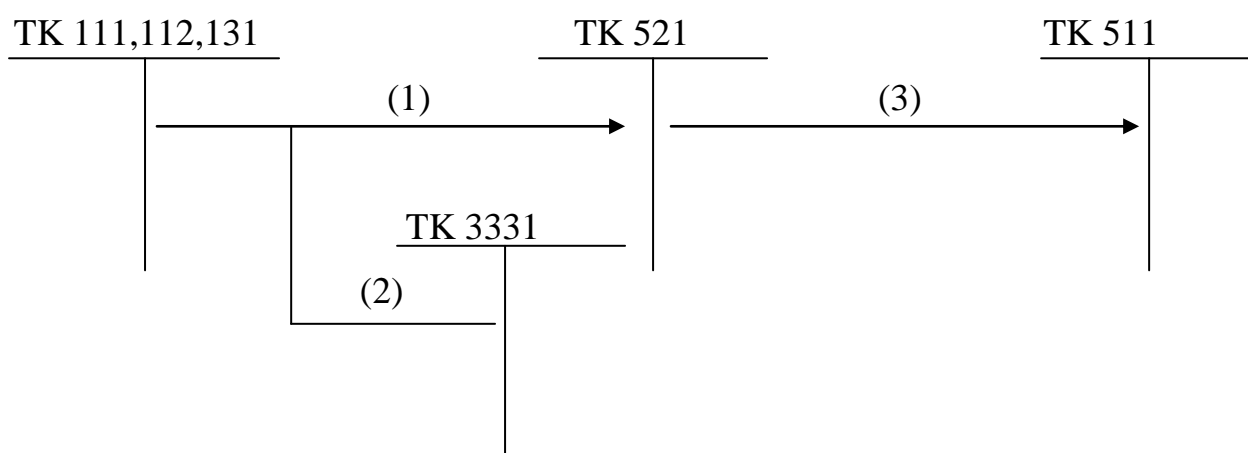
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Kế toán chiết khấu thương mại

• Khái niệm: Là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận

về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng

Sơ đồ 1.5: Trình tự hạch toán chiết khấu thương mại



Ghi chú:

- (1) Chiết khấu thương mại
- (2) Thuế GTGT được khấu trừ
- (3) Kết chuyển chiết khấu thương mại

- Tài khoản sử dụng:

Đề hạch toán chiết khấu thương mại, kế toán sử dụng TK 521

Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2:

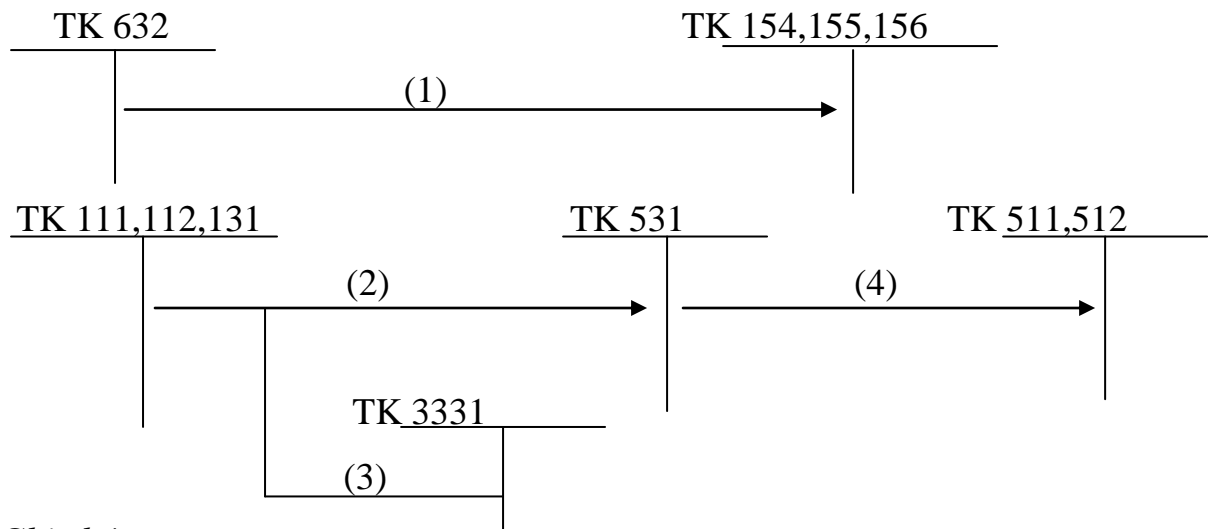
- Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hoá
- Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm
- Tài khoản 5213 - Chiết khấu dịch vụ

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.2. Kế toán hàng bán bị trả lại

- Khái niệm: Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, không đúng chủng loại...

Sơ đồ 1.6: Trình tự hạch toán hàng bán bị trả lại



Ghi chú:

- (1) Giá vốn hàng bán bị trả lại
- (2) Doanh thu chưa thuế của hàng bán bị trả lại
- (3) Thuế GTGT của hàng bán bị trả lại
- (4) Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại

- Tài khoản sử dụng:

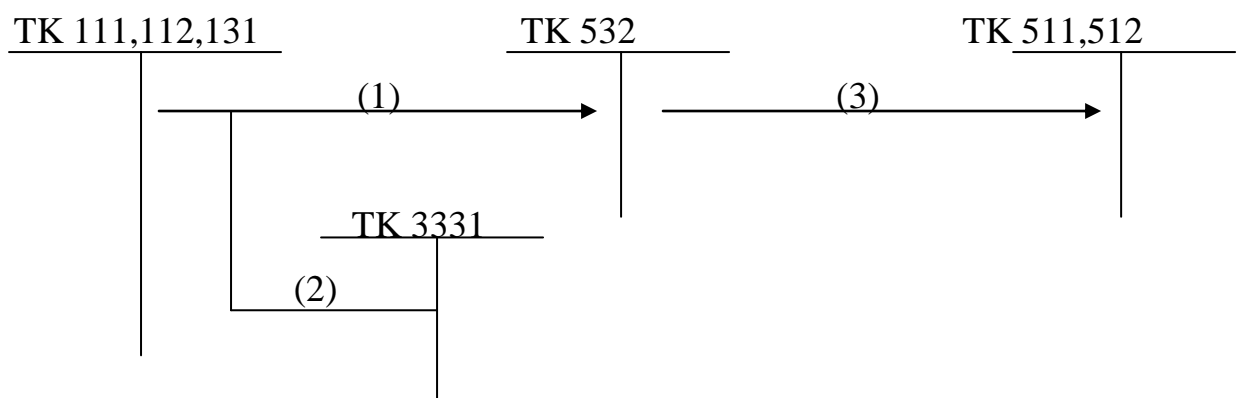
Đề hạch toán nghiệp vụ này, kế toán sử dụng TK 531 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.3. Kế toán giảm giá hàng bán

- Khái niệm: Giảm giá hàng bán là khoản tiền doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn...đã ghi trong hợp đồng.

Sơ đồ 1.7: Trình tự hạch toán giảm giá hàng bán



Ghi chú:

- (1) Doanh thu chưa thuế của hàng bán bị trả lại
- (2) Thuế GTGT của số tiền được giảm
- (3) Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại

- Tài khoản sử dụng:

Đề theo dõi nghiệp vụ này kế toán TK 532 - Giảm giá hàng bán

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ**1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán****1.2.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho**

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản xuất thực tế hay chi phí sản xuất thực tế. Vật tư tiêu thụ, giá vốn hàng bán là thực tế (giá gốc) ghi sổ.

Nguyên tắc tính giá vốn:

Tùy theo tình hình áp dụng giá xuất kho tại công ty mà kế toán sẽ hạch toán khác nhau. Đối với đơn vị áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên thì kế toán hạch toán giá xuất kho thường xuyên, theo trình tự thời gian, còn nếu áp dụng theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì giá xuất kho được xác định vào cuối kỳ.

Phương pháp xác định giá vốn:*** Xuất kho theo giá thực tế:****o Phương pháp theo đơn giá đích danh:**

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

+ Ưu điểm:

- Công tác tính giá nguyên vật liệu được thực hiện kịp thời thông qua nguyên vật liệu xuất kho, kế toán có thể theo dõi được thời gian bảo quản của từng lô nguyên vật liệu.

- Đây là phương pháp có thể coi là lý tưởng nhất, nó tuân theo nguyên tắc phù hợp của hạch toán kế toán: chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế - giá trị vật tư xuất dùng cho sản xuất phù hợp với giá trị thành phẩm mà nó tạo ra và giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra.

+ Nhược điểm:

- Việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ áp dụng được khi có hàng tồn kho có thể phân biệt được, chia tách thành từng loại, từng thứ riêng rẽ.

+ Điều kiện áp dụng:

Phương pháp này thường sử dụng trong những doanh nghiệp có ít nguyên vật liệu hoặc nguyên vật liệu ổn định và nhận diện được.

o *Phương pháp bình quân gia quyền:*

Theo phương pháp này trị giá vốn thực tế của thành phẩm khi xuất kho được tính căn cứ vào số lượng thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

<i>Trị giá thành phẩm xuất kho</i>	=	<i>Số lượng thành phẩm xuất kho</i>	*	<i>Đơn giá bình quân gia quyền</i>
---	---	--	---	---

Trong đó:

<i>Đơn giá bình quân gia quyền</i>	=	<i>Trị giá thực tế thành phẩm tồn đầu kỳ</i>	+	<i>Trị giá vốn thực tế thành phẩm nhập trong kỳ</i>
		<i>Số lượng thành phẩm tồn đầu kỳ</i>	+	<i>Số lượng thành phẩm nhập trong kỳ</i>

- Đơn giá bình quân thường được tính cho từng loại thành phẩm

- Đơn giá bình quân có thể xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ hay đơn giá bình quân cố định. Theo cách tính này, khối lượng tính toán giảm nhưng chỉ tính được trị giá vốn thực tế của thành phẩm vào thời điểm cuối kỳ nên không thể cung cấp thông tin quản lý kịp thời.

o *Phương pháp nhập trước xuất trước:*

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

+ Ưu điểm:

- Giúp cho chúng ta có thể tính được ngay giá trị hàng xuất kho từng lần xuất hàng, đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời, cung cấp những thông tin hợp lý, đúng đắn về giá trị hàng tồn kho trong bảng cân đối kế toán.

- Hơn nữa giá trị hàng tồn kho sẽ được phản ánh gần sát với giá thị trường và giá trị hàng tồn kho sẽ bao gồm giá trị hàng mua ở những lần mua sau cùng.

+ Nhược điểm:

Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hoá đã có từ đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc tăng lên rất nhiều.

+ Điều kiện áp dụng: Phương pháp này thường áp dụng ở những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều.

○ *Phương pháp nhập sau xuất trước:*

Theo phương pháp này thì giá trị xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau này, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng tồn kho đầu kỳ hoặc gần cuối kỳ.

+ Ưu điểm:

- Phương pháp này làm cho những khoản doanh thu ở hiện tại phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Vì theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị vật tư vừa mới đưa vào ngay gần đó.

- Trong khi giá cả có xu hướng tăng lên phương pháp này sẽ giúp cho doanh nghiệp có thể giảm được thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả nhà nước. Bởi vì giá của vật tư được mua vào sau cùng, thường cao hơn giá cả của vật tư được nhập trước sẽ được tính vào giá vốn hàng bán và do đó giảm lợi nhuận dẫn đến số thuế lợi tức phải nộp hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp giảm.

+ Nhược điểm:

- Phương pháp này bỏ qua việc nhập- xuất trong thực tế. Vật tư hàng hoá

thông thương được quản lý theo nhập sau- xuất trước.

- Hơn nữa, với phương pháp này chi phí quản lý hàng tồn kho của doanh nghiệp có thể cao vì phải mua thêm vật tư nhằm tính vào giá vốn hàng bán những chi phí mới nhất với giá cao. Điều này trái ngược với chi phí quản lý hàng tồn kho một cách hiệu quả, giảm thiểu lượng hàng tồn kho nhằm cắt giảm chi phí hàng tồn kho.

- Mặt khác giá trị hàng tồn kho được phản ánh thấp hơn so với giá trị thực tế của nó. Điều này làm cho khả năng thanh toán của đơn vị bị nhìn nhận kém hơn so với khả năng thực tế.

*** Giá hạch toán:**

Đối với doanh nghiệp quy mô lớn, khối lượng chủng loại vật liệu, hàng hoá nhiều chủng loại, phức tạp, tình hình nhập xuất diễn ra thường xuyên nên việc xác định đơn giá xuất kho hết sức khó khăn, tốn kém và không hiệu quả nên các đơn vị này sử dụng giá hạch toán để tính giá xuất kho.

<i>Giá trị hàng xuất kho theo giá hạch toán</i>	=	<i>Số lượng hàng xuất kho</i>	*	<i>Đơn giá hạch toán</i>
--	---	--------------------------------------	---	---------------------------------

Cuối kỳ, kế toán xác định giá thực tế xuất kho để điều chỉnh lại đơn giá xuất kho

<i>Giá thực tế xuất kho</i>	=	<i>Hệ số chênh lệch</i>	*	<i>Giá hạch toán từng loại</i>
------------------------------------	---	--------------------------------	---	---------------------------------------

Trong đó:

<i>Hệ số chênh lệch</i>	=	<i>Giá thực tế hàng tồn đầu kỳ</i>	+	<i>Giá thực tế hàng nhập trong kỳ</i>
		<i>Giá hạch toán hàng tồn đầu kỳ</i>	+	<i>Giá hạch toán hàng nhập trong kỳ</i>

1.2.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

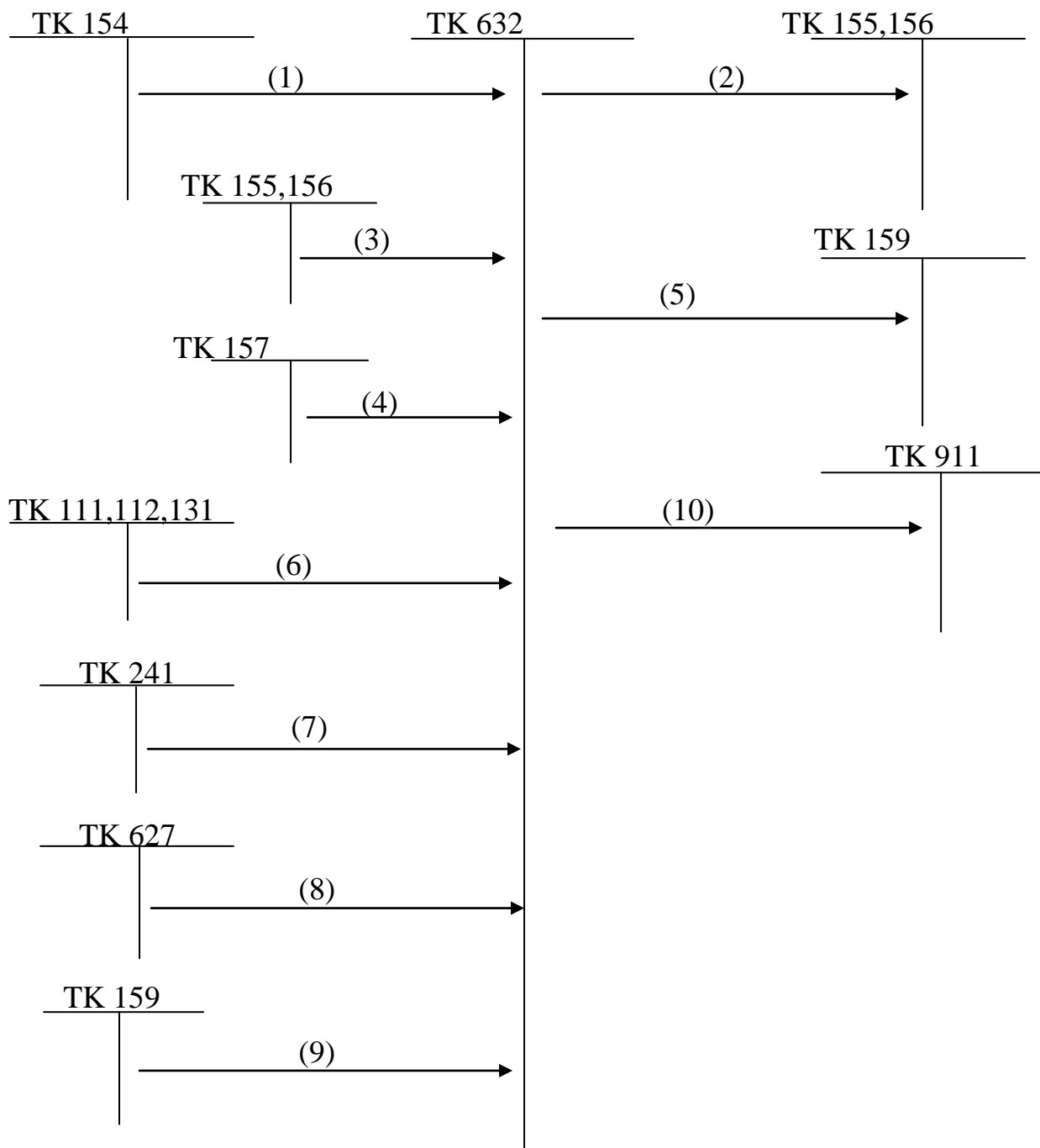
- Chứng từ sử dụng
 - Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 – GTKT – 3LL)
 - Hoá đơn bán hàng (Mẫu số 02 – GTGT)
 - Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT)
 - Hoá đơn bán hàng thẳng, báo cáo bán hàng
 - Bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ
 - Bảng thanh toán hàng đại lý; các chứng từ kế toán khác có liên quan

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán

Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán

Chú thích:

- (1) Trị giá bán thẳng không qua kho
- (2) Trị giá hàng bán bị trả lại
- (3) Trị giá thực tế hàng xuất bán
- (4) Giá vốn thực tế hàng gửi bán
- (5) Hoàn nhập dự phòng
- (6) Chi phí mua hàng xuất bán
- (7) Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản vượt quá định mức
- (8) Chi phí sản xuất chung không được phân bổ vào giá thành
- (9) Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- (10) Kết chuyển giá vốn hàng bán



* Tài khoản sử dụng: TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

• Khái niệm: Chi phí bán hàng là những chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ trong kỳ

• Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)

• Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Cuối kỳ không có số dư, tài khoản này có 7 tài khoản cấp 2:

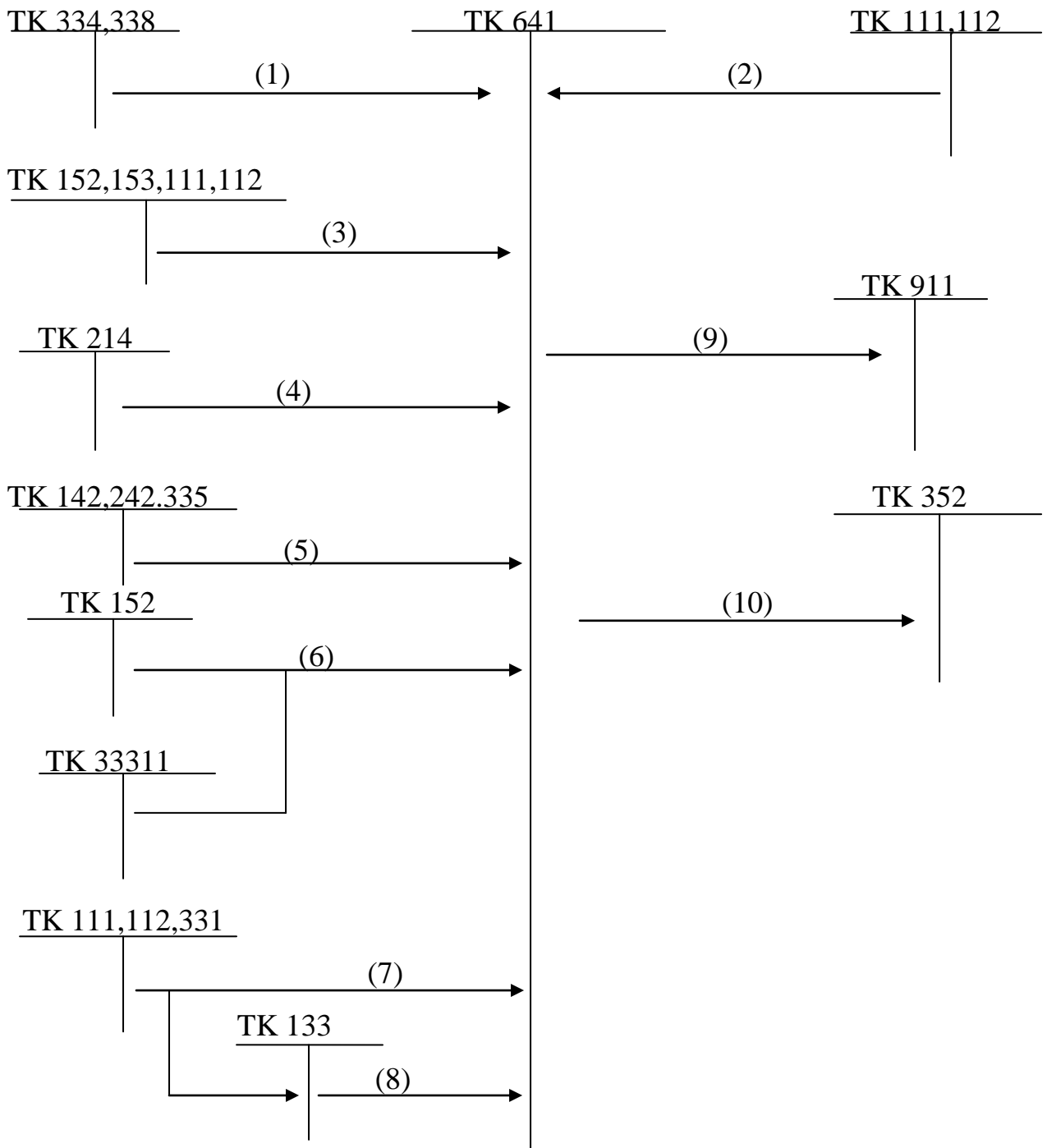
- Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán chi phí bán hàng

Chú thích:

- (1) Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương
- (2) Các khoản thu giảm chi
- (3) Chi phí vật liệu dụng cụ
- (4) Chi phí khấu hao TSCĐ
- (5) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước
- (6) Thành phẩm, hàng hoá tiêu dùng nội bộ
- (7) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác
- (8) Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ nếu tính vào chi phí bán hàng
- (9) Kết chuyển chi phí bán hàng

(10) Hoàn nhập dự phòng phải trả về chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá



1.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

- Khái niệm: Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào. Thuộc chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí khác

- Chứng từ sử dụng
 - Căn cứ vào các bảng phân bổ (bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ vật liệu và công cụ dụng cụ, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ)
 - Các chứng từ gốc có liên quan
- Tài khoản sử dụng
 - Kế toán sử dụng TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Cuối kỳ không có số dư, tài khoản này có 8 tài khoản cấp 2:

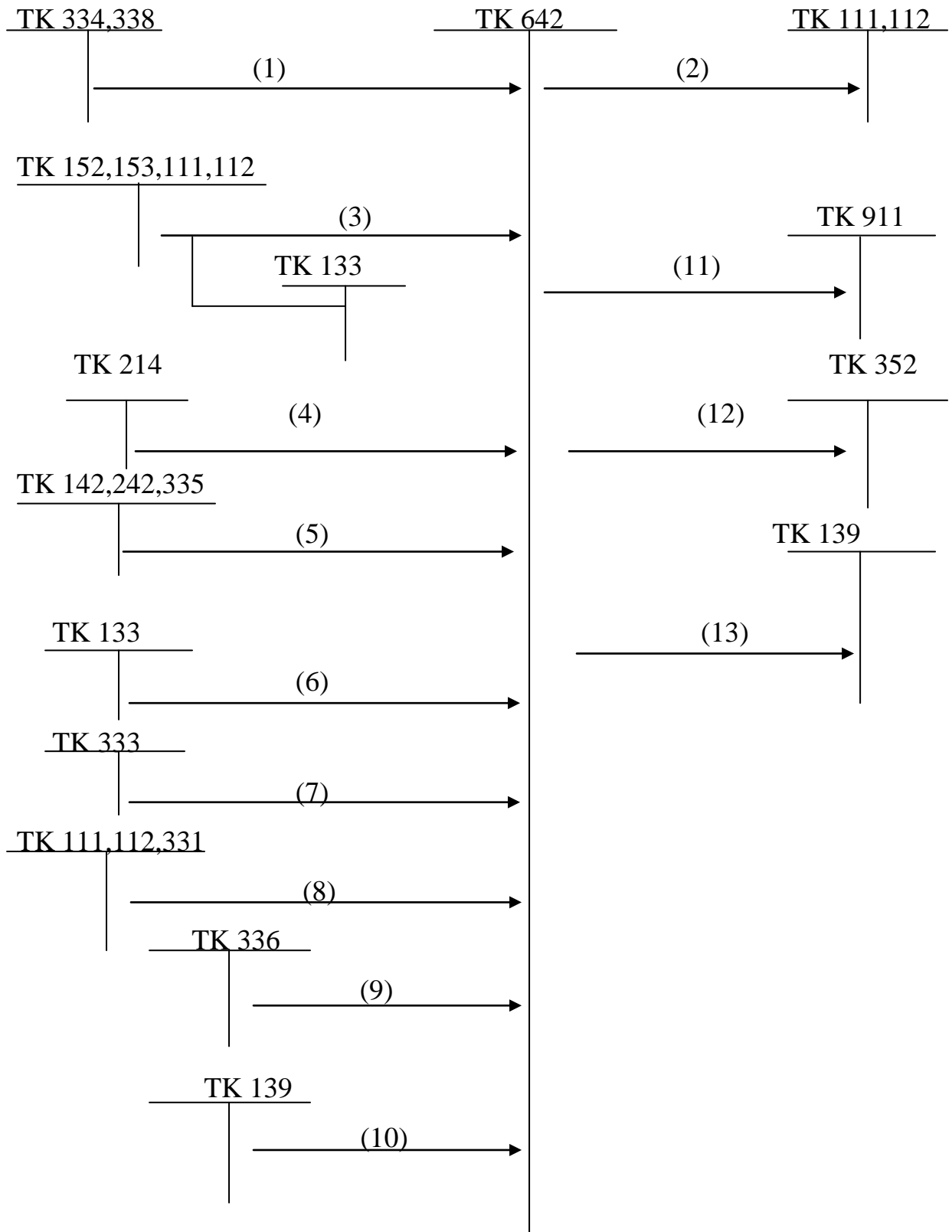
- Tài khoản 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 – Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428 – Chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ 1.10: Trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chú thích:

- (1) Chi phí tiền lương, tiền công, phụ cấp tiền ăn ca và các khoản trích theo lương.
- (2) Các khoản thu giảm chi
- (3) Chi phí vật liệu công cụ
- (4) Chi phí khấu hao TSCĐ
- (5) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước
- (6) Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ nếu tính vào chi phí quản lý
- (7) Thuế môn bài, tiền thuê đất phải nộp nhà nước
- (8) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác
- (9) Chi phí quản lý cấp dưới phải nộp cấp trên theo quy định
- (10) Dự phòng phải thu khó đòi
- (11) Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp
- (12) Hoàn nhập dự phòng phải trả

(13) Hoàn nhập số chênh lệch giữa số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số trích lập năm nay



1.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. TK 821 bao gồm:

- + TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- + TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

1.2.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ,...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác

- Lãi tỷ giá hối đoái

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn

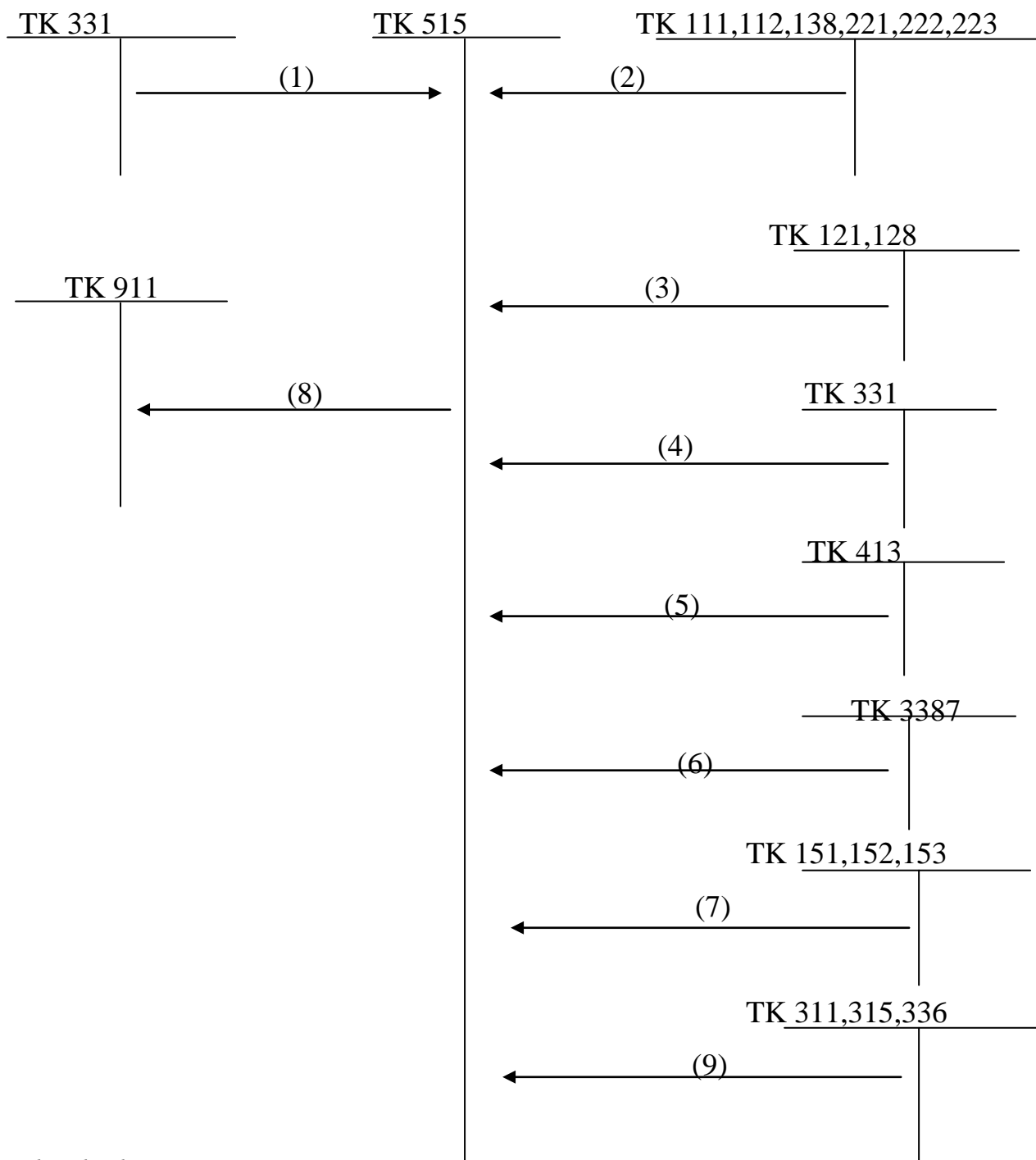
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

❖ Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.11: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Chú thích:

- (1) Thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp với hoạt động tài chính (Nếu có)
- (2) Doanh thu cổ tức, lợi nhuận từ hoạt động góp vốn đầu tư, lãi tiền gửi, cổ phiếu, trái phiếu,...

- (3) Cổ tức và lợi nhuận được chia để bổ sung vốn góp
- (4) Chiết khấu thanh toán được hưởng
- (5) Chênh lệch tỷ giá hối đoái
- (6) Phân bổ tỷ giá hối đoái
- (7) Lãi tỷ giá hối đoái khi mua vật tư bằng ngoại tệ
- (8) Kết chuyển doanh thu tài chính
- (9) Thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ

1.2.7. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
 - Chi phí cho vay và đi vay vốn
 - Chi phí góp vốn liên doanh, liên kết
 - Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán
 - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
 - Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

❖ Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

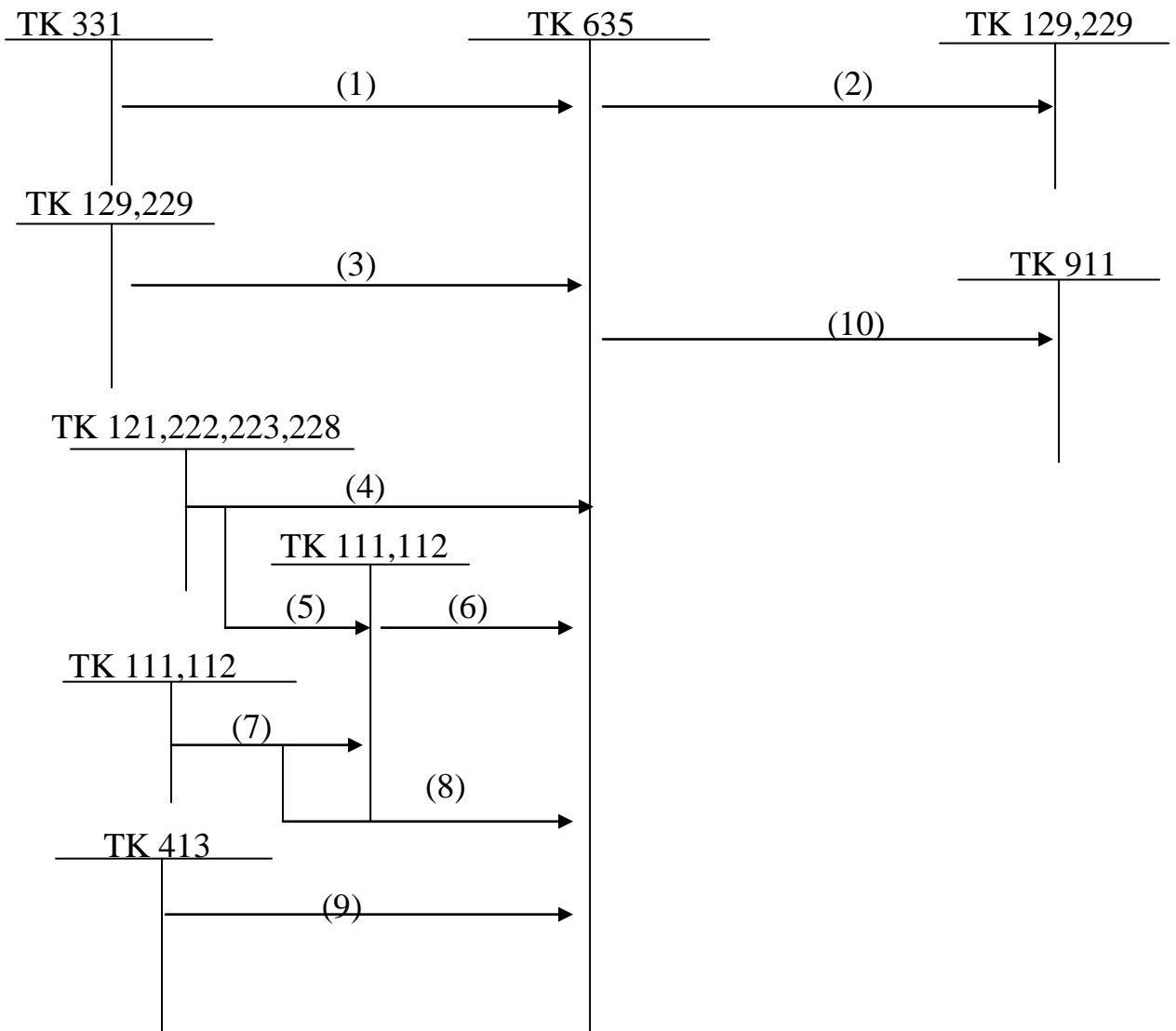
Sơ đồ 1.12: Trình tự hạch toán chi phí tài chính

Chú thích:

- (1) Trả lãi tiền vay, phân bổ lãi mua hàng trả chậm, trả góp
- (2) Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng giảm giá đầu tư
- (3) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn
- (4) Lỗ về các khoản đầu tư
- (5) Tiền thu về bán các khoản đầu tư
- (6) Chi phí hoạt động liên doanh, liên kết
- (7) Bán ngoại tệ
- (8) Lỗ về bán ngoại tệ

(9) Kết chuyển lỗ do đánh giá lại khoản mục có gốc ngoại tệ cuối kỳ

(10) Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính



1.2.7. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Các khoản thuế được Ngân sách nhà nước hoãn lại
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ

- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).

- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp

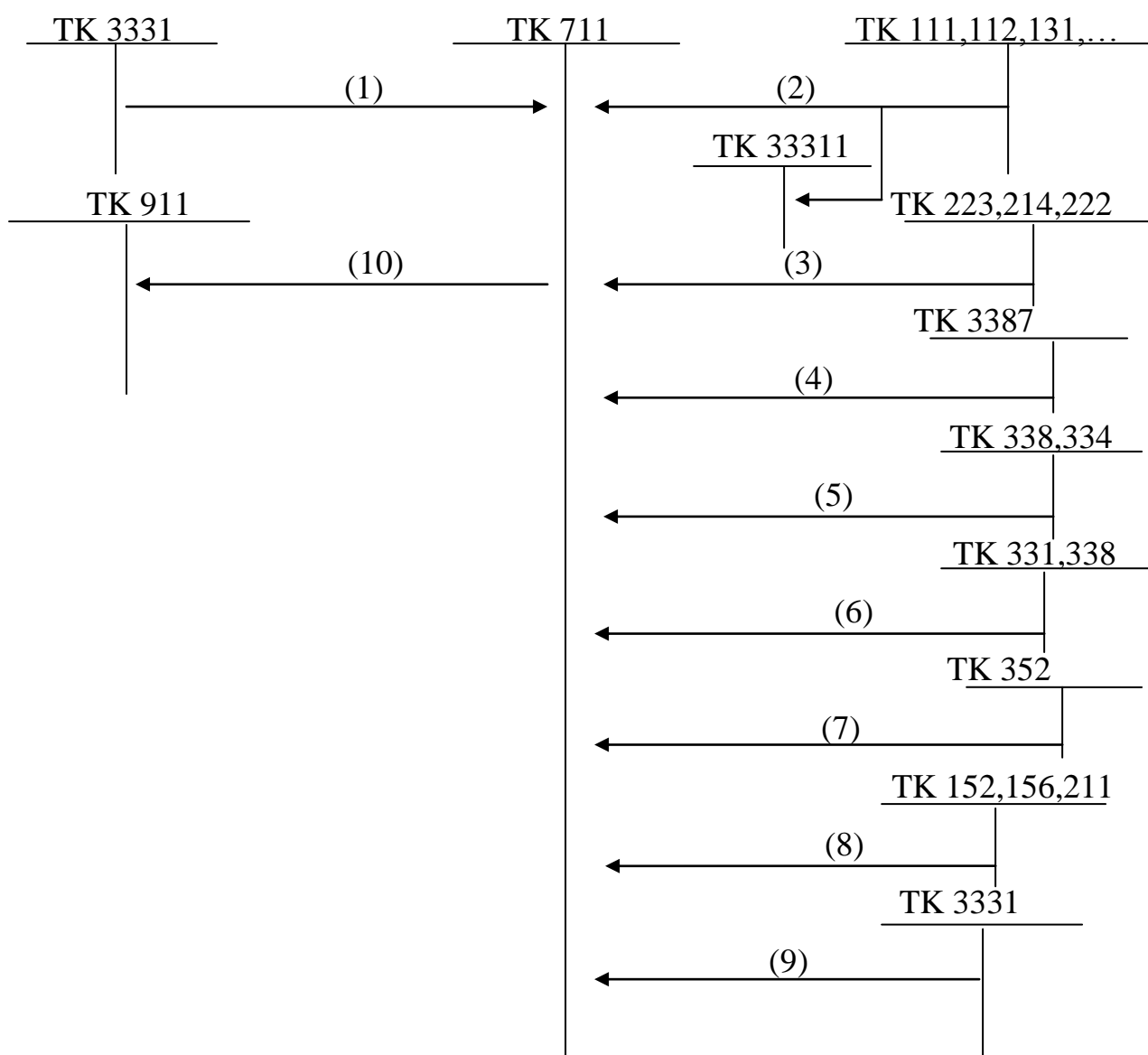
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

❖ Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 711 – Thu nhập khác

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.13: Trình tự hạch toán thu nhập khác



Chú thích:

(1) Thuế GTGT phải nộp

(2) Thu về nhượng bán thanh lý TSCĐ

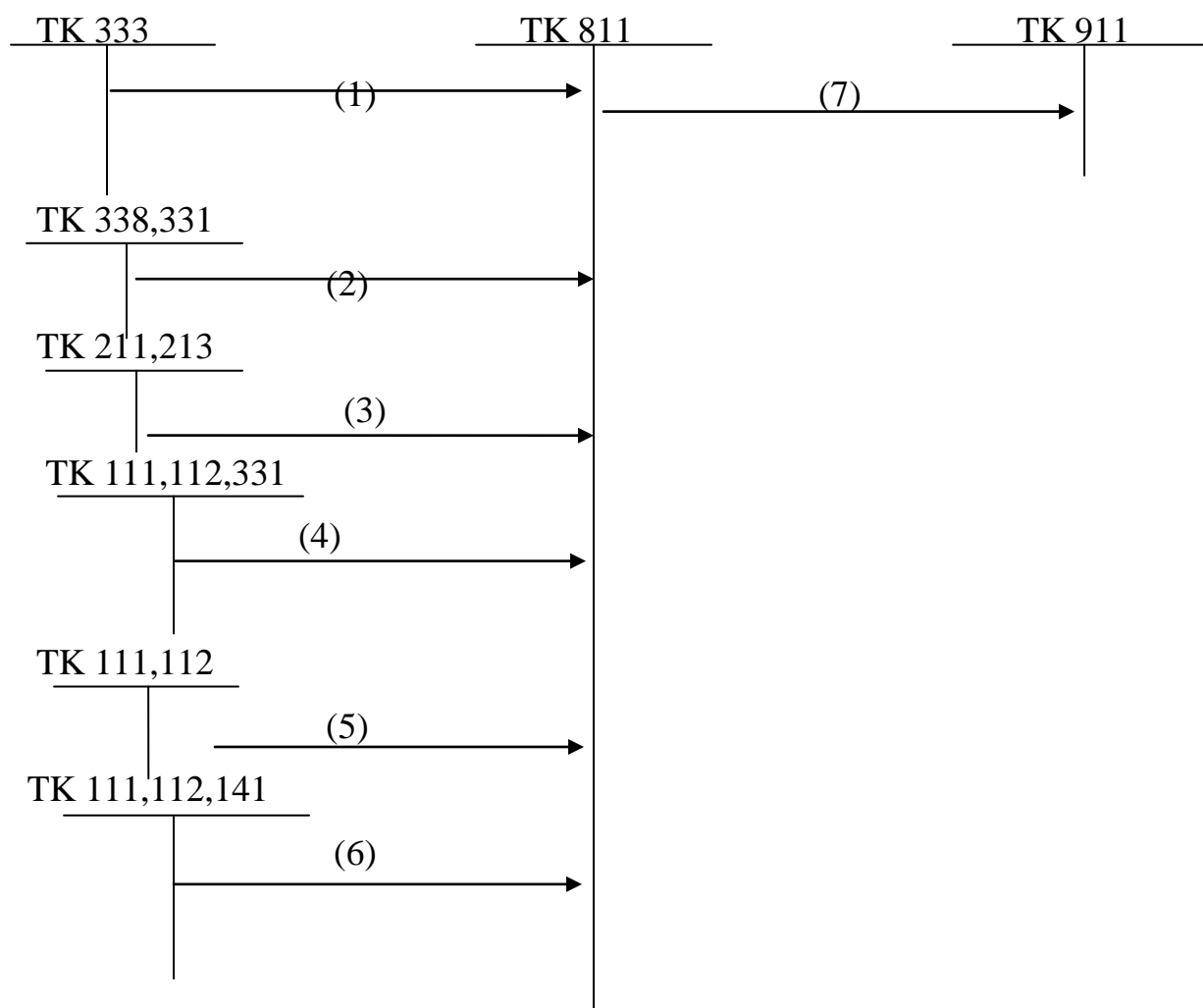
- (3) Chênh lệch do đánh giá lại tài sản
- (4) Chênh lệch do đánh giá lại tài sản
- (5) Tiền phạt khấu trừ vào tiền ký cược, ký quỹ của người ký cược, ký quỹ
- (6) Khoản nợ không xác định được chủ quyết định xoá ghi vào thu nhập khác
- (7) Khi hết thời hạn bảo hành, nếu công trình không phải bảo hành hoặc số dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp lớn hơn chi phí thực tế phát sinh phải hoàn nhập
- (8) Được tài trợ, biếu tặng vật tư hàng hoá, TSCĐ
- (9) Thuế GTGT được giảm trừ
- (10) Kết chuyển thu nhập khác

1.2.8. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí khác

Tài khoản sử dụng: TK 811 – Chi phí khác

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ**Sơ đồ 1.14: Trình tự hạch toán chi phí khác****Chú thích:**

- (1) Các khoản tiền bị phạt thuế, truy nộp thuế
- (2) Tiền phạt vi phạm hợp đồng
- (3) Ghi giảm TSCĐ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh khi thanh lý, nhượng bán
- (4) Chi phí phát sinh cho hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- (5) Các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế hoặc vi phạm pháp luật
- (6) Các khoản chi phí khác phát sinh như chi phí khắc phục tổn thất do gặp rủi ro trong kinh doanh, chi phí thu hồi nợ...
- (7) Kết chuyển chi phí khác

1.2.9. Xác định kết quả kinh doanh

❖ Nguyên tắc hạch toán xác định kết quả kinh doanh

- Xác định kết quả hoạt động kinh doanh phải được phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.

- Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính,...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, hàng hoá, từng loại dịch vụ.

- Các khoản doanh thu và thu nhập khác để kết chuyển vào TK này là số doanh thu thuần và thu nhập khác.

❖ Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

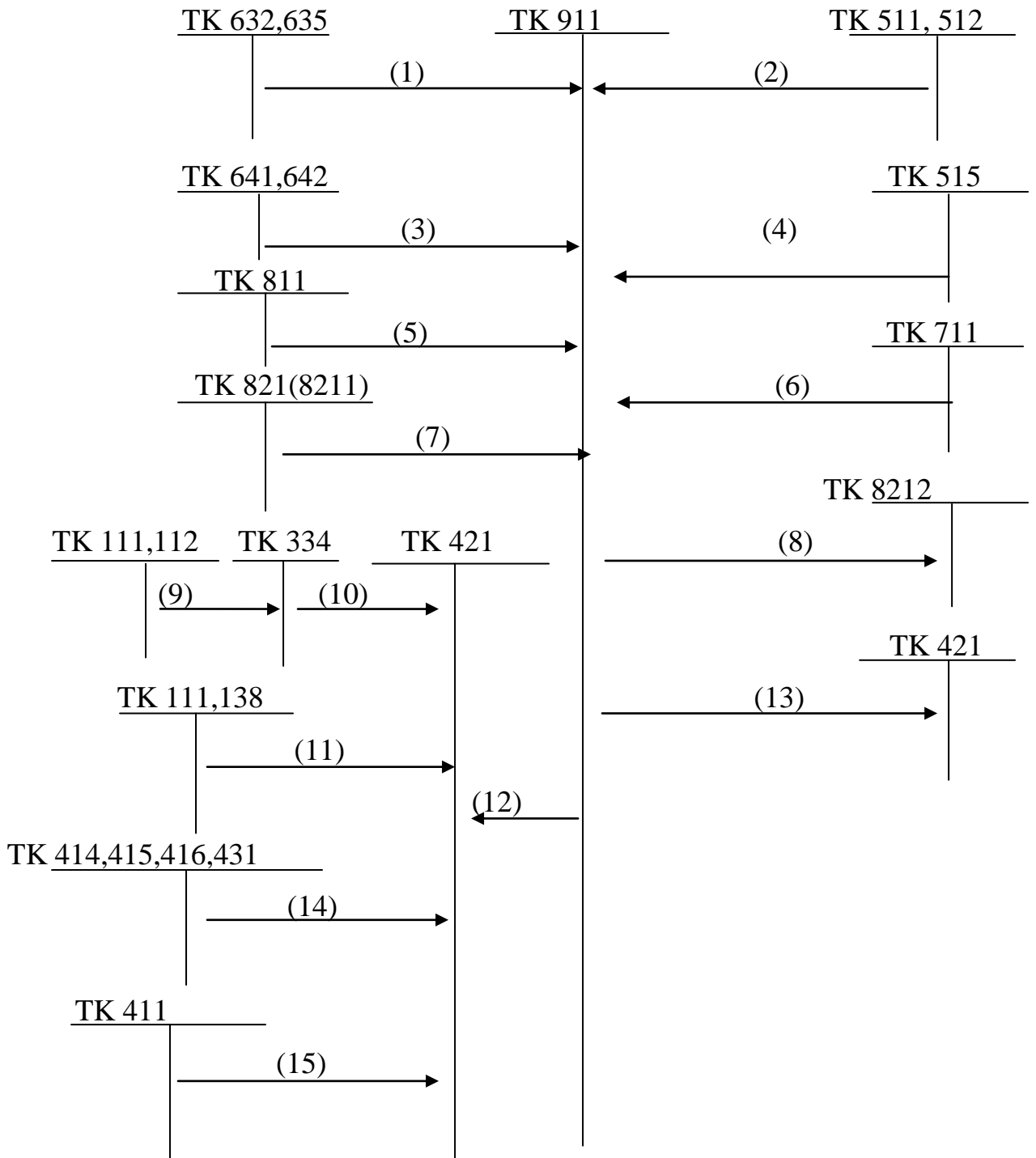
Sơ đồ 1.15: Trình tự hạch toán quá trình xác định kết quả kinh doanh

Chú thích:

- (1) Kết chuyển giá vốn, chi phí hoạt động tài chính
- (2) Kết chuyển doanh thu
- (3) Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
- (4) Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
- (5) Kết chuyển chi phí khác
- (6) Kết chuyển thu nhập khác
- (7) Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- (8) Kết chuyển số phát sinh Có lớn hơn số phát sinh Nợ TK 8212
- (9) Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp
- (10) Số thuế thu nhập doanh nghiệp
- (11) Chia lãi cho liên doanh
- (12) Kết chuyển lãi hoạt động kinh doanh
- (13) Kết chuyển lỗ hoạt động kinh doanh

(14) Trích lập các quỹ

(15) Trích bổ sung vốn kinh doanh



1.3. CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG TRONG DOANH NGHIỆP:

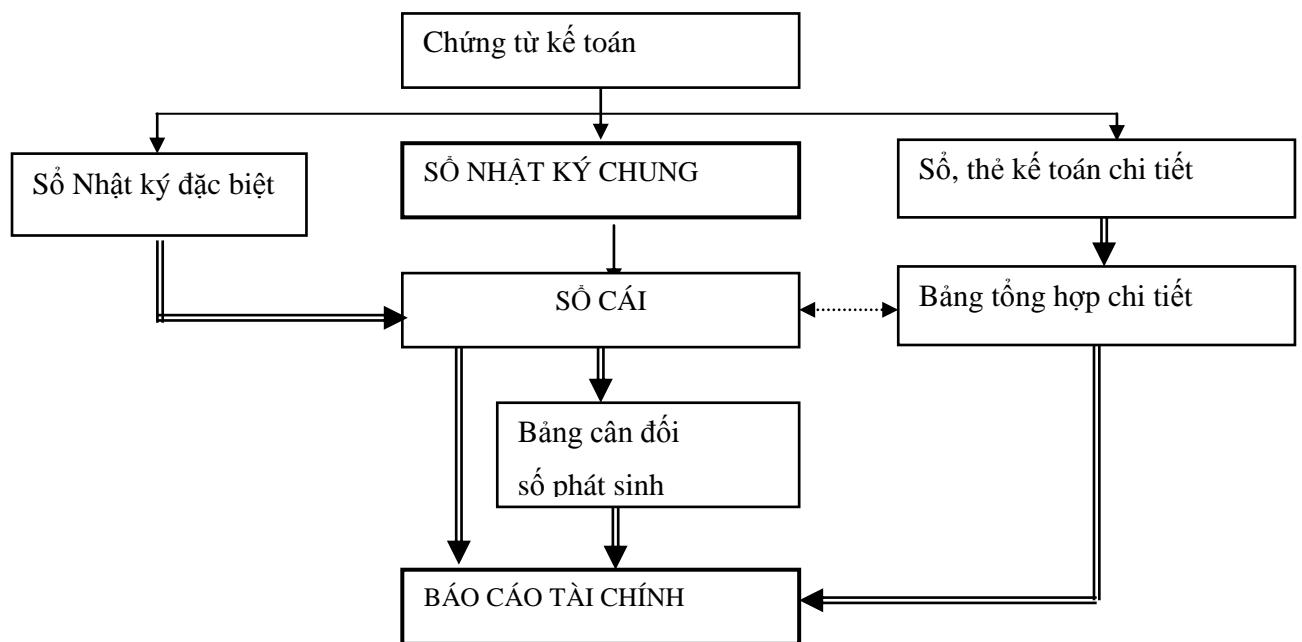
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi theo thứ tự thời gian, theo quan hệ đối ứng của các TK vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các TK liên quan

- Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công công việc

- Nhược điểm: Việc ghi chép bị trùng lặp nhiều

Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ =====>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.-.-.-.->

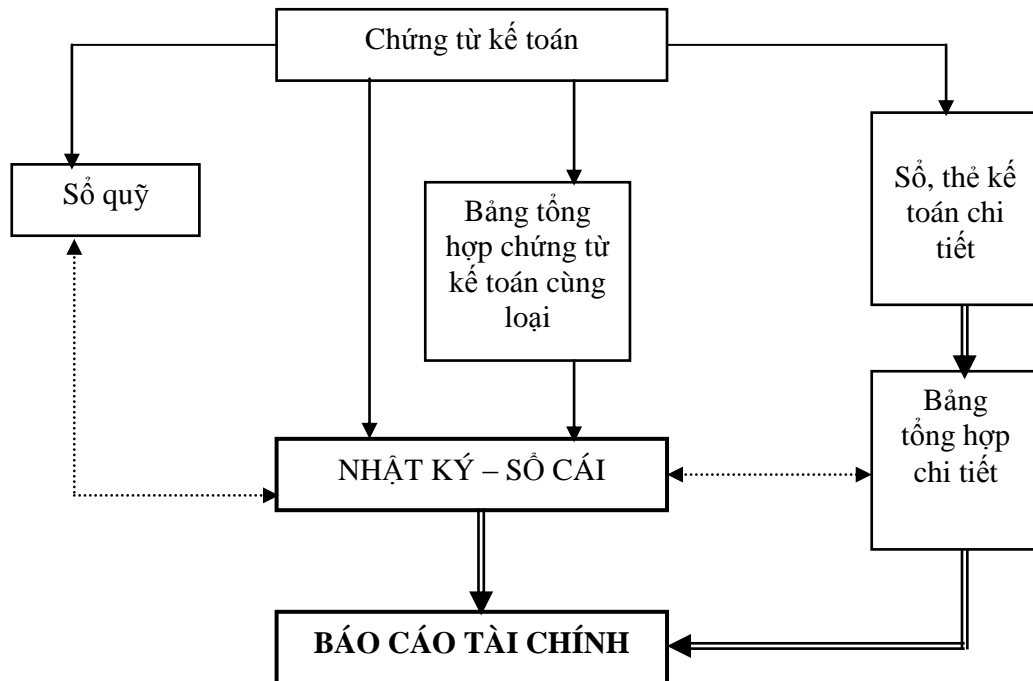
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

- Đặc điểm: sử dụng Sổ nhật ký sổ cái làm sổ tổng hợp để ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian và theo hệ thống trên cùng một trang sổ

- Ưu điểm: sử dụng các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu

- Nhược điểm: khó phân công công việc

Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái



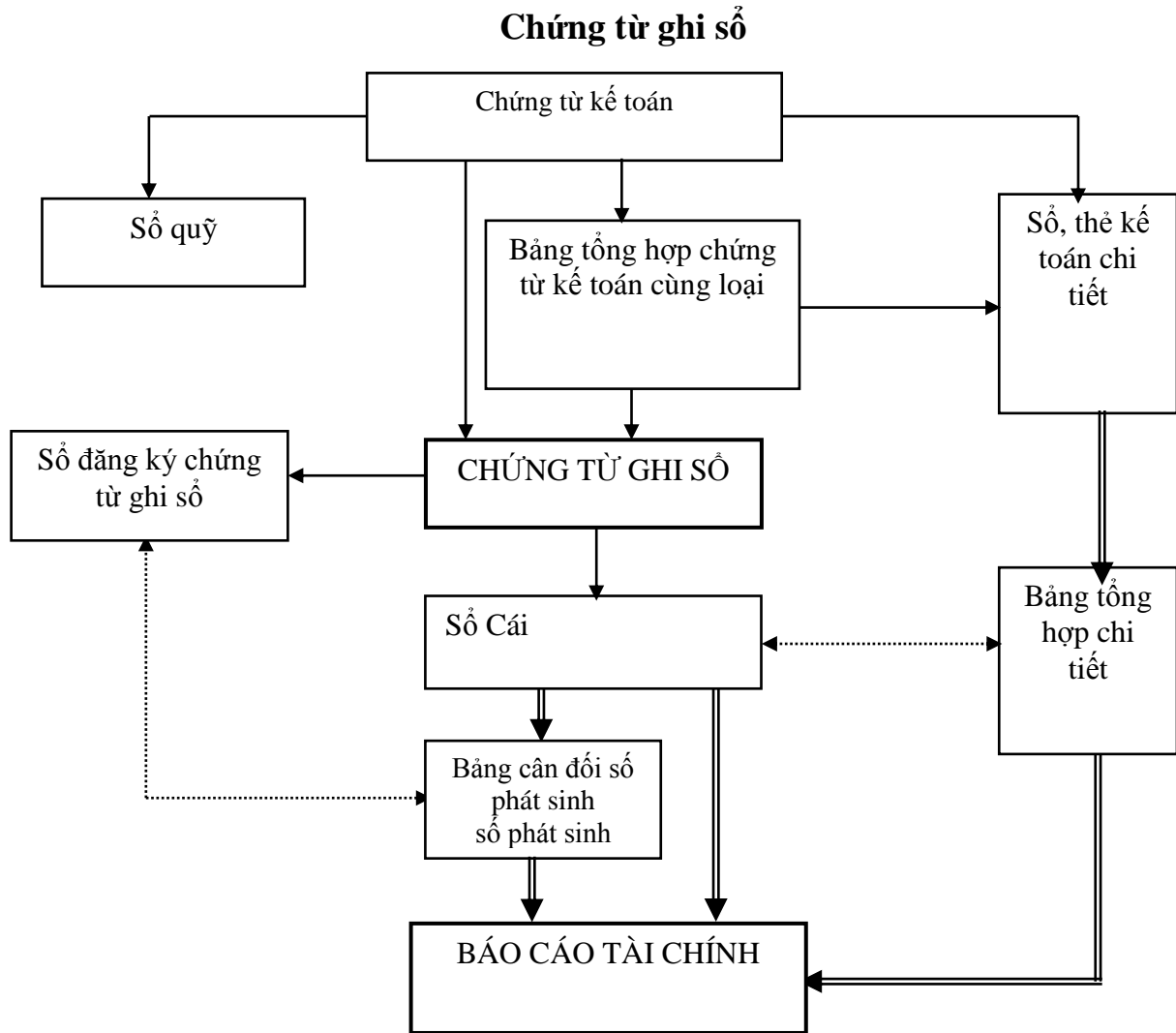
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng ══════════→
- Đối chiếu, kiểm tra ←═══════════

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ, căn cứ vào chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái tài khoản
- Ưu điểm: Kết cấu mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu
- Nhược điểm: ghi chép con trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều

Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối kỳ ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.-.-.-.->

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

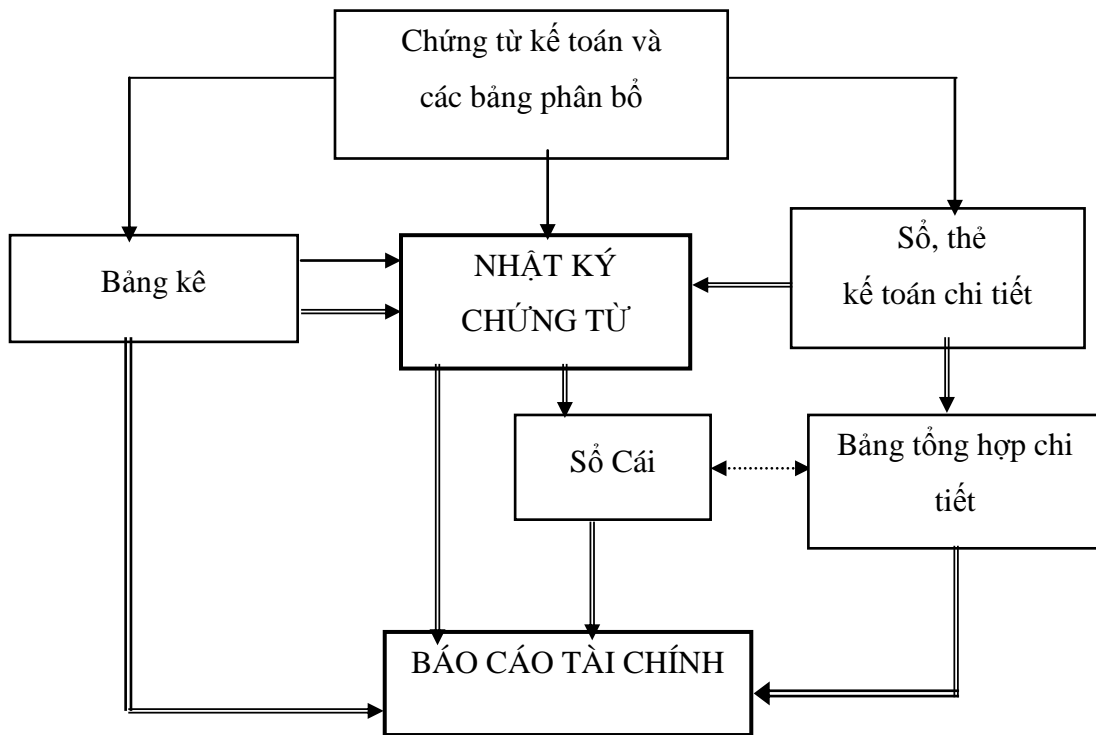
- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào bảng kê và Nhật ký chứng từ, cuối tháng tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào sổ cái tài khoản

- Ưu điểm: Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ theo dõi quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra

- Nhược điểm: Mẫu sổ phức tạp đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng, không thuận tiện cho việc tin học hoá công tác kế toán

Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán

Nhật ký - Chứng từ



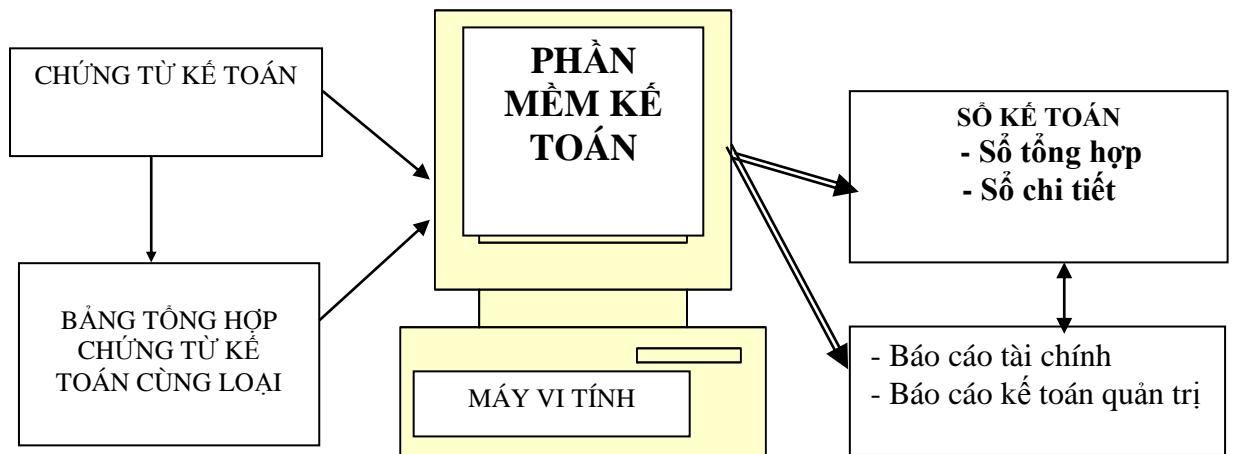
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇨
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ 1.20: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Chương 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CPĐT THUẬN THIÊN

2.1 ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY CPĐT THUẬN THIÊN

2.1.1. Giới thiệu chung về công ty

- ❖ Tên giao dịch Tiếng Việt: **Công ty Cổ phần đầu tư Thuận Thiên**
- ❖ Trụ sở : 51 Lạch Tray – Ngô Quyền - TP.Hải Phòng
- ❖ Tel : 0313673493
- ❖ Fax : 0313673491
- ❖ Website : <http://www.thietkewebvn.net>
- ❖ Slogan : **NÂNG TẦM CUỘC SỐNG**

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp:

Công ty CPĐT Thuận Thiên là đơn vị được thành lập theo Quyết định số 1505/2002 ngày 13 tháng 03 năm 2002 của Bộ Thương Mại. Với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu 50 tỷ. Và được Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy đăng ký kinh doanh số 0103021637 ngày 01/04/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09/11/2005.

Nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trước sự bùng nổ của Internet, công ty CPĐT Thuận Thiên tập trung cung cấp cấp Dịch vụ Thiết kế website, Quảng bá website và Cung ứng các Phần mềm ứng dụng trên môi trường Internet. công ty CPĐT Thuận Thiên cung cấp các sản phẩm trên nền tảng và các ứng dụng trên môi trường Website như thông tin trực tuyến e-News, thương mại điện tử e-Commerce (TMĐT) và các giải pháp đặc thù cho các tổ chức, doanh nghiệp (ERP)...

2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh:

- *Hình thức sở hữu vốn*: doanh nghiệp cổ phần.

- *Lĩnh vực kinh doanh*: kinh doanh thương mại và dịch vụ
- *Ngành nghề kinh doanh*:
 - + Chuyên kinh doanh buôn bán linh kiện, thiết bị điện tử, điện lạnh.
 - + Cung cấp, tư vấn các giải pháp công nghệ thông tin
 - + Cung cấp các phần mềm du lịch, phần mềm quản trị doanh nghiệp, phần mềm về sổ liên lạc trong các trường học...
 - + Mua bán trực tuyến, quảng cáo trực tuyến, quảng cáo thương mại và phí thương mại
 - + Xây dựng và phát triển các website cộng đồng

2.1.4. Những thuận lợi, khó khăn và thành công của doanh nghiệp:

➤ *Thuận lợi:*

- Toàn thể CBNV nỗ lực làm việc với nhiệt huyết cao để nâng tầm của mỗi cá nhân, nâng tầm của tổ chức và góp phần nâng tầm của xã hội.
- Tinh thần làm việc nhóm (team-work) cùng chia sẻ và hợp tác. Mỗi cá nhân là một mắt xích không thể tách rời tạo nên một tập thể đoàn kết vững mạnh, giúp Công ty đạt được mọi mục tiêu đã đề ra.
- Công ty đã trúng thầu và thực hiện nhiều dự án tư vấn giải pháp thiết kế xây dựng Website, cũng như dự án phần mềm hệ thống trong các lĩnh vực khác nhau đã tạo dựng cho công ty CPĐT Thuận Thiên bề dày kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án lớn.
- Cùng với bề dày trên 5 năm kinh nghiệm và trải qua hàng trăm dự án thiết kế web, đội ngũ công ty CPĐT Thuận Thiên đã áp dụng thành công hệ thống quản trị nội dung website do chính công ty CPĐT Thuận Thiên nghiên cứu và phát triển, mà không sử dụng các hệ quản trị nội dung web miễn phí có sẵn

➤ *Khó khăn:*

- Các chi phí tăng: giá điện, giá nước, giá xăng... kéo theo sự gia tăng về chi phí đầu vào trong doanh nghiệp
- Thị trường chung đang trong thời kỳ “khát” vốn, nên các khách hàng e dè và cẩn trọng hơn khi quyết định đầu tư cho website
- Thị trường thiết kế web có tính cạnh tranh cao, trong thị trường đã có và

ngày càng xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh hơn.

- Hiện nay, các công ty buôn bán về thiết bị điện tử khá nhiều, dẫn đến sự cạnh tranh về các mặt hàng lớn.

➤ ***Những thành công cơ bản mà doanh nghiệp đạt được:***

- công ty CPĐT Thuận Thiên đã trúng thầu và thực hiện nhiều dự án tư vấn giải pháp thiết kế xây dựng Website, cũng như dự án phần mềm hệ thống trong các lĩnh vực khác nhau đã tạo dựng cho công ty CPĐT Thuận Thiên bề dày kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án lớn.

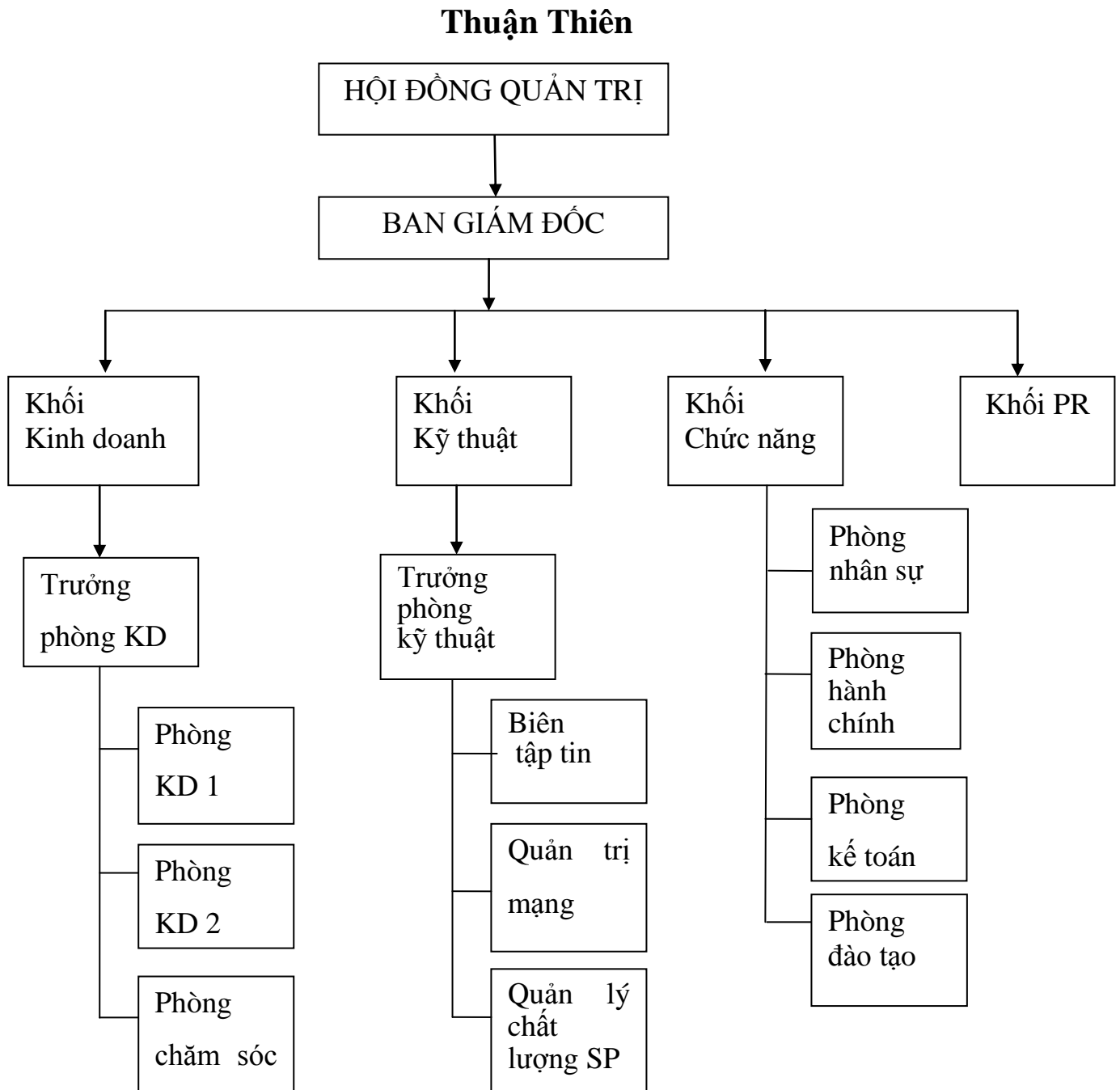
- Bên cạnh đó, trong thời gian qua công ty cũng kinh doanh thành công nghề tay trái của mình đó là buôn bán đồ điện tử, linh kiện điện tử, điện lạnh; được nhiều công ty biết đến như là một đối tác tin cậy và hợp tác làm ăn lâu dài.

2.1.5. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp:

Bộ máy quản lý được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến chức năng.

Công ty được phân ra các khối, phòng ban có chức năng nhiệm vụ riêng theo mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các phòng chức năng thực hiện theo sự điều hành của ban giám đốc và có sự phối kết hợp giữa các phòng khi cần thiết trong công việc để thực hiện những mục tiêu của công ty.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý điều hành của công ty CPĐT



Cụ thể:

- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến hoạt động của công ty, đứng đầu là chủ tịch hội đồng quản trị.

- **Ban giám đốc:** Ban giám đốc của công ty bao gồm Giám đốc và Phó GD

+ *Giám đốc*: Do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.

+ *Phó giám đốc*: Thực hiện các nhiệm vụ do Giám đốc phân công hoặc ủy quyền. Cụ thể giúp Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh trong công ty. Tham mưu cho Giám đốc trong việc bố trí nhân sự phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đề xuất các chiến lược kinh doanh....

- **Khối kinh doanh:**

+ *Phòng kinh doanh*: Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tiến hành xây dựng triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, phòng kinh doanh còn phụ trách giao dịch thương thảo, ký kết các hợp đồng với khách hàng. Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng các hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.

Trưởng phòng kinh doanh: điều hành phòng kinh doanh, có nhiệm vụ nắm bắt nhu cầu của khách hàng, điều hành hoạt động đàm phán, tư vấn theo kế hoạch và theo đơn đặt hàng với các đối tác, thống kê báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

+ *Phòng chăm sóc khách hàng*: thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm khách hàng từ các nguồn khác nhau, xây dựng cơ sở dữ liệu về khách hàng.

- **Khối kỹ thuật**: có nhiệm vụ chuyên giao sản phẩm đến tay khách hàng, hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, bảo trì và hỗ trợ khách hàng sử dụng website

Trưởng phòng kỹ thuật có nhiệm vụ lên kế hoạch, triển khai các công việc thiết kế website. Xây dựng các phần mềm ứng dụng. Đồng thời giám sát sự hoạt động của các bộ phận:

+ *Biên tập tin*: thu thập thông tin, dữ liệu, xây dựng bố cục giao diện

+ *Quản trị mạng* : thiết kế các hệ thống mạng an toàn, nâng cao tính bảo mật, nắm lòng các kỹ thuật xâm nhập cũng như các biện pháp phòng chống tấn công hiệu quả

+ *Quản lý chất lượng sản phẩm*: Hướng dẫn và xác định các yêu cầu về chất lượng (hay các tiêu chí xác định chất lượng) đối với sản phẩm trên từng công đoạn, thao tác sản xuất ở tại mỗi bộ phận chức năng. Xác định mức độ quan trọng của mỗi tiêu chí, thiết lập biểu mẫu kiểm soát với tần suất thích hợp tại mỗi bộ phận chức năng; Đào tạo tập huấn cho nhân viên về cách thức đạt được các tiêu chí chất lượng, tuân thủ quy trình thực hiện và kiểm soát;

- **Khối chức năng**: Bao gồm 4 bộ phận chia thành các phòng ban riêng:

+ *Phòng nhân sự*: Quản lý, bố trí nhân sự, tham gia lập kế hoạch lao động tiền lương, kế hoạch lao động... đáp ứng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Lập quy hoạch cán bộ trước mắt và lâu dài; lập kế hoạch và thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng phát triển cán bộ và lao động. Đồng thời đảm bảo chế độ cho người lao động theo chế độ chính sách hiện hành. Phối hợp với các đơn vị, phòng ban liên quan để soạn thảo các quy chế hoạt động của Công ty và của các đơn vị.

+ *Phòng hành chính*: Tham mưu giúp việc cho giám đốc về công tác cán bộ, sắp xếp bố trí cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh đề ra. Đảm bảo cho các bộ phận, cá nhân trong Công ty thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ đạt hiệu quả trong công việc. Các bộ phận thực hiện đúng nhiệm vụ tránh chông chéo. Đảm bảo tuyển dụng và xây dựng, phát triển đội ngũ CBCNV theo yêu cầu, chiến lược của Công ty.

+ *Phòng kế toán*: Hạch toán, thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của nhà nước. Tham mưu giúp việc cho Giám đốc thực hiện nghiêm túc các quy định về kế toán tài chính hiện hành. Thường xuyên cung cấp cho Giám đốc về tình hình tài chính, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn. Trong đó Trưởng phòng tài chính kế toán giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác tài chính và kế toán, xúc tiến và quản lý công tác đầu tư, công tác tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập hoặc chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động.

+ *Phòng đào tạo*: Xây dựng quy hoạch phát triển, lập chương trình, kế hoạch đào tạo cán bộ nhân viên. Tổ chức nghiên cứu xác định nhu cầu đào tạo

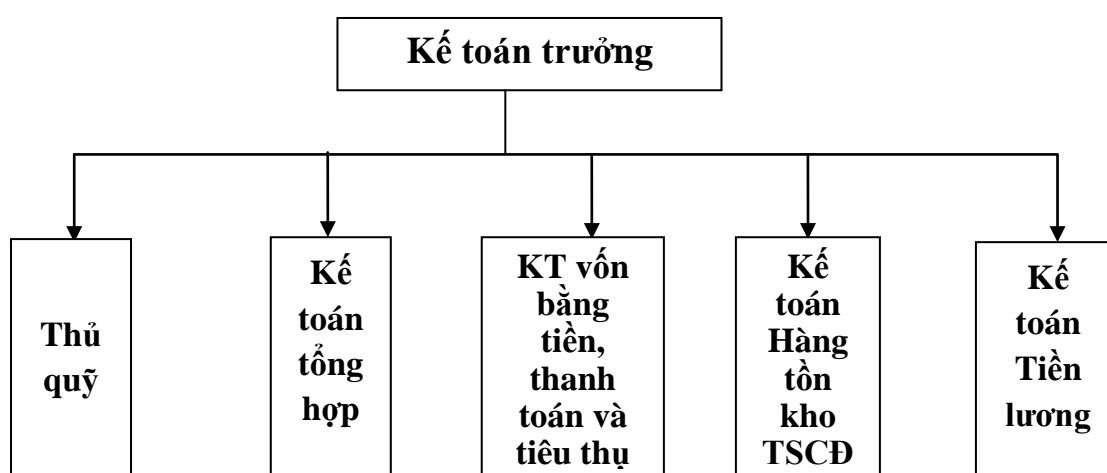
làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển đào tạo dài hạn của nhân viên. Đánh giá tính phù hợp của sản phẩm đào tạo với yêu cầu của người sử dụng lao động, tham mưu cho Giám đốc về đổi mới công tác đào tạo.

- **Khối PR:** có vai trò giúp doanh nghiệp truyền tải các thông điệp đến khách hàng và những nhóm công chúng quan trọng, đưa sản phẩm dễ đi vào nhận thức của khách hàng

2.1.6 Tổ chức công tác kế toán tại công ty:

2.1.6.1 Tổ chức bộ máy kế toán:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán công ty CPĐT Thuận Thiên



❖ *Mối quan hệ của từng người và mối quan hệ giữa các kế toán:*

Công ty CPĐT Thuận Thiên đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Sở dĩ công ty chọn hình thức này xử lý cung cấp thông tin một cách kịp thời. Mặt khác phòng kế toán của công ty với đội ngũ nhân sự đông đảo, có trình độ chuyên môn cao và được trang bị những thiết bị, phần mềm hiện đại.

Phòng kế toán trung tâm của công ty đã thực hiện toàn bộ công tác kế toán từ thu nhận ghi sổ, xử lý thông tin trên hệ thống báo cáo phân tích và tổng hợp của công ty.

Phòng kế toán của công ty hiện có 08 người và mỗi nhân viên đều được công ty trang bị một máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay để phục vụ cho công việc hằng ngày. Mặt khác công ty còn kết nối internet nhằm giúp cán bộ công nhân viên trong công ty liên lạc cập nhật tình hình cũng như nâng cao các kiến thức xã hội, kiến thức chuyên môn. Hệ thống mạng nội bộ còn giúp các cán

bộ công nhân viên trong công ty liên hệ với nhau thuận tiện, nhanh chóng và tiện lợi.

Với đội ngũ nhân viên kế toán kể trên, phòng kế toán đã chia ra thành nhiều bộ phận, bao gồm:

- **Kế toán trưởng:**

+ Là người chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán trong Công ty. Kế toán có chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo chung mọi hoạt động bộ máy kế toán của công ty, bao gồm các mối quan hệ tài chính với cơ quan thuế, kiểm toán, lập các bảng biểu về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Thường xuyên tham mưu giúp việc cho giám đốc thấy rõ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, từ đó đề ra biện pháp xử lý. Giúp cho kế toán trưởng là các cán bộ nhân viên làm việc trong văn phòng.

- **Kế toán tổng hợp:** có các nhiệm vụ sau: Kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các đơn vị nội bộ, dữ liệu chi tiết và tổng hợp; Kiểm tra các định khoản các nghiệp vụ phát sinh. Kiểm tra sự cân đối giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp; Hạch toán thu nhập, chi phí, khấu hao, TSCĐ, công nợ, nghiệp vụ khác, thuế GTGT và báo cáo thuế khối văn phòng CT, lập quyết toán văn phòng cty; Lập báo cáo tài chính theo từng quý, 6 tháng, năm và các báo cáo giải trình chi tiết.

- **Thủ quỹ:** giữ tiền và các khoản tương đương tiền; nhập xuất tiền theo giấy tờ hợp lệ của cơ quan (phiếu chi, phiếu thu); Lập sổ quỹ tiền mặt, sau đó đối chiếu với sổ cái tiền mặt

- **Kế toán vốn bằng tiền:** Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăng giảm, thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền. Đồng thời hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ. Kiểm tra thường xuyên, đối chiếu số liệu củ thủ quỹ với kế toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất.

- **Kế toán hàng tồn kho và tài sản cố định:** kế toán viên có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng, giảm của tài sản cố định và sự biến động của các khoản đầu tư dài hạn. Từ đó công ty có biện pháp cụ thể với các khoản đầu tư dài hạn và chịu trách nhiệm theo dõi hàng tồn kho lập và quản lý chứng từ liên quan về

hàng tồn kho, theo dõi về chi phí sản xuất sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm.

- **Kế toán tiền lương:** tính lương và trích các khoản theo lương kịp thời và chính xác

2.1.6.2. Đặc điểm hình thức hạch toán kế toán

✓ **Chế độ kế toán áp dụng tại công ty:**

Công ty CPĐT Thuận Thiên đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ Tài chính. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định này bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số 03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN)

✓ **Hình thức kế toán áp dụng tại công ty:**

- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ Kế toán Việt Nam
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là: Đồng Việt Nam
 - Phương pháp khấu hao: Theo phương pháp khấu hao đường thẳng
- Phương pháp (PP) hạch toán hàng tồn kho theo PP: kê khai thường xuyên

✓ **Các loại sổ sách được dùng trong hình thức nhật kí chung:**

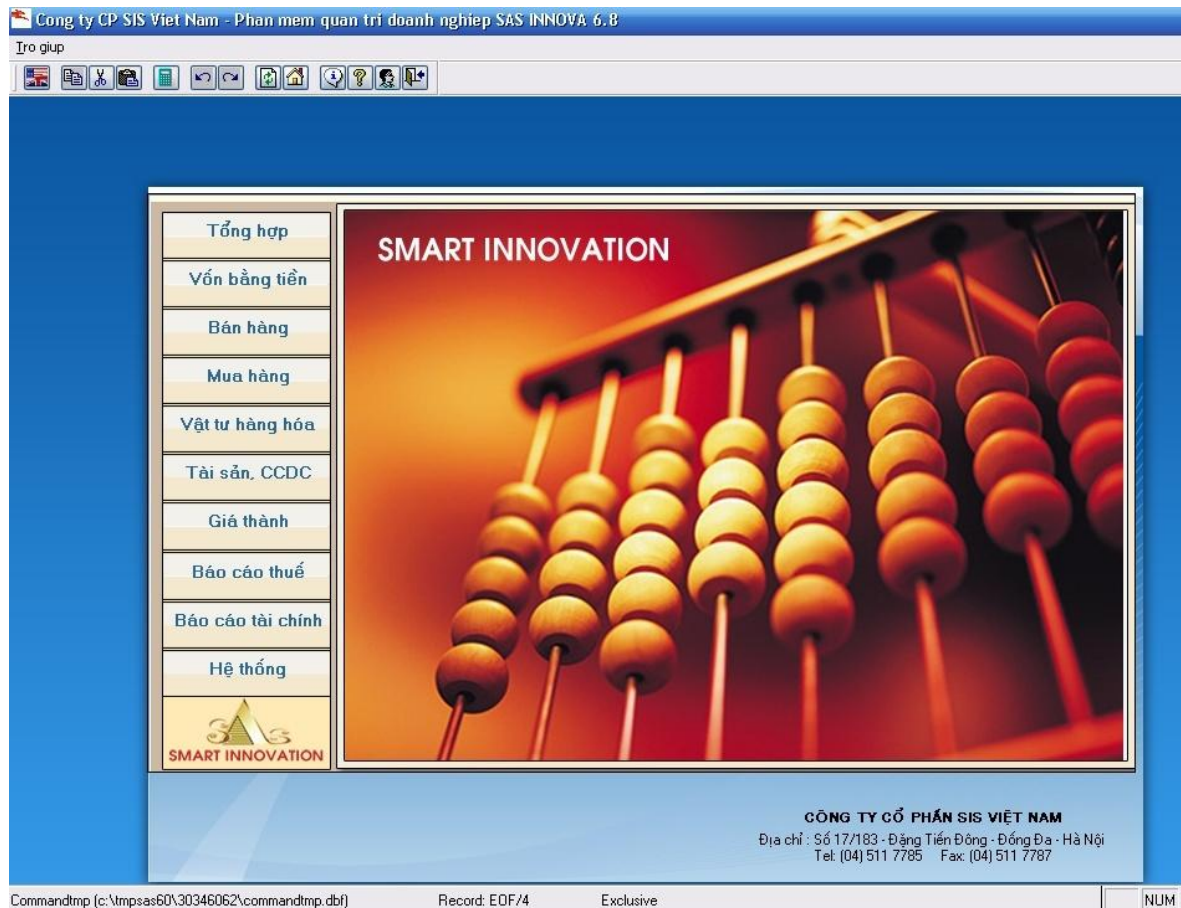
- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán máy SAS INNOVA để thuận tiện cho các cán bộ, đặc biệt là các cán bộ nhân viên trong phòng kế toán. Đối với hạch toán trên máy vi tính, quan trọng nhất là khâu thu thập, xử lý phân loại chứng từ và định khoản kế toán. Đây là khâu đầu tiên của quy trình hạch toán trên máy vi tính và là khâu quan trọng nhất vì kế toán chỉ vào dữ liệu cho máy thật đầy đủ và chính xác, còn thông tin đầu ra như Sổ chi tiết, Sổ cái và các

Báo cáo kế toán đều do máy tự xử lý thông tin, tính toán và đưa ra các bảng biểu khi cần in.

+Từ màn hình máy tính kế toán kích đúp chuột vào biểu tượng chương trình, nhập mật khẩu người sử dụng, giao diện chương trình sẽ hiện ra (Biểu số 2.3 - trang bên):

Biểu số 2.3: Giao diện phần mềm kế toán SAS INNOVA



Quy trình xử lý dữ liệu trên phần mềm kế toán Sas innova như sau:

- Khai báo các khoản danh mục chính
- Khai báo số dư đầu kỳ
- Nhập nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- Xử lý dữ liệu
- Kiểm tra và in báo cáo

Tất cả các đối tượng cần quản lý trong doanh nghiệp đã được mã hoá, khai báo và cài đặt trong chương trình phần mềm kế toán:

1) Thông tin đầu vào: Định kỳ kế toán căn cứ vào nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật dữ liệu vào máy theo đúng đối tượng được mã hoá,

cài đặt trong phần mềm, đúng quan hệ đối ứng tài khoản. Máy sẽ tự động vào sổ chi tiết theo từng đối tượng và tự động tổng hợp ghi vào sổ cái các tài khoản có trong định khoản, bảng kê liên quan

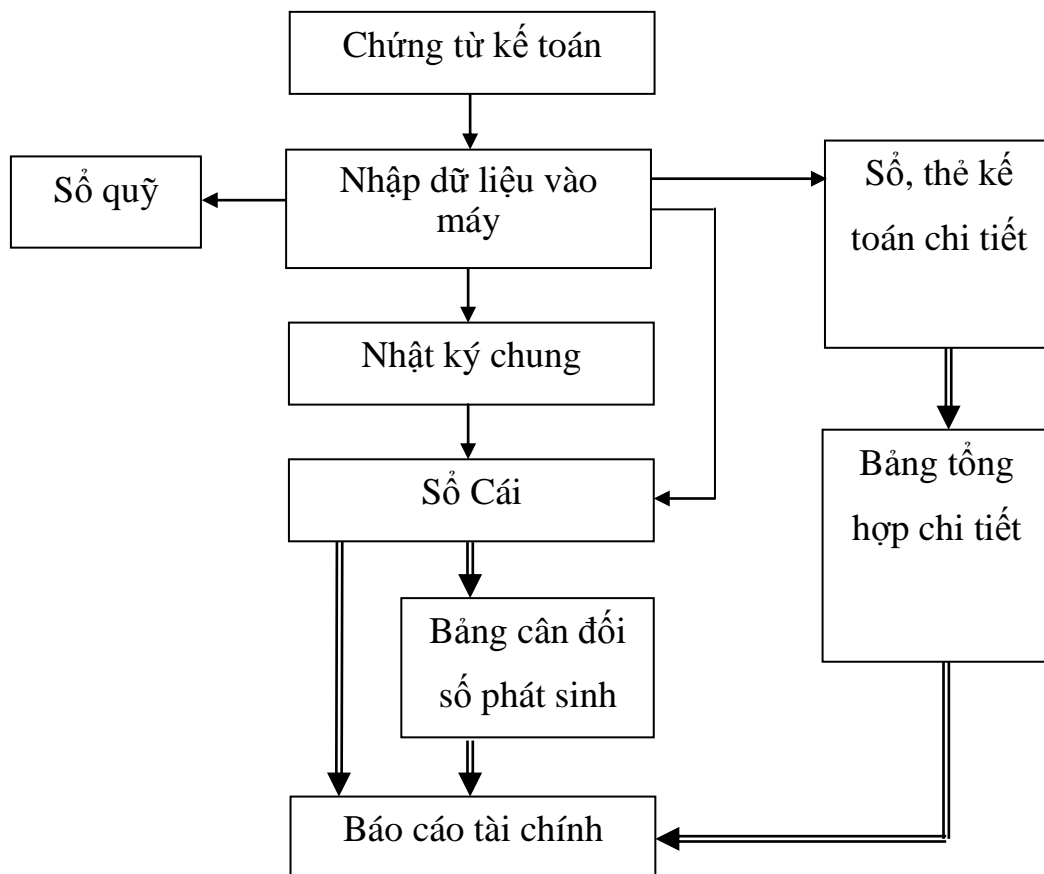
2) Chương trình được làm tự động qua các bút toán kết chuyển đã cài đặt. Khi kế toán chọn bút toán kết chuyển đúng máy tính sẽ tự động chuyển toàn bộ giá trị dư Nợ (dư Có) hiện thời của tài khoản được kết chuyển sang bên Có (bên Nợ) của tài khoản được kết chuyển

3) Thông tin đầu ra: Kế toán có thể in ra các Sổ chi tiết, Sổ cái bất cứ lúc nào các thông tin từ các nghiệp vụ đã được cập nhật. Các sổ báo cáo là kết quả bút toán kết chuyển chỉ có dữ liệu sau khi kế toán sử dụng bút toán kết chuyển tự động

4) Thông tin trên các Sổ cái tài khoản được ghi chép thường xuyên trên cơ sở cộng dồn từ các nghiệp vụ đã được cập nhật một cách tự động

Cuối niên độ, kế toán căn cứ vào Sổ cái và Bảng tổng hợp liên quan để lập Bảng cân đối kế toán và các Báo cáo kế toán theo quy định chung

Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ tại Công ty



Ghi chú: : —————> : Ghi hàng ngày

⇒ : Ghi cuối tháng, cuối kỳ

**Biểu số 2.5: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty
trong 2 năm 2009-2010**

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	So sánh	
			Chênh lệch	%
DT Thuần	97.699.716.009	107.158.982.595	9.459.266.586	9,68
Giá vốn hàng bán	93.592.069.835	89.623.554.610	(3968515225)	(4,24)
Lợi nhuận gộp	4.107.646.174	17.535.427.985	13.427.781.811	326,9
LN Thuần	6.769.577.137	23.017.965.354	16.248.388.217	240,02
Tổng LN KT trước thuế	7.140.623.012	23.017.965.354	15.877.342.342	222,35
CP thuế TNDN hiện hành	1.999.374.444	5.754.491.339	3.755.116.895	187,81
LN sau thuế TNDN	5.141.248.568	17.263.474.016	12.122.225.448	235,78

Qua bảng trên ta thấy doanh thu năm 2010 tăng so với năm 2009 là 9.459.266.586 tương đương 9,68%; điều này cho thấy công ty đã mở rộng sản xuất kinh doanh, công tác bán hàng được quan tâm nhiều hơn, sản phẩm đã tạo được uy tín trên thị trường. Doanh thu tăng và Giá vốn hàng bán giảm làm cho Lợi nhuận gộp cũng tăng lên 13.427.781.811 tương đương 326.9%. Trong năm 2010 công ty đạt tổng lợi nhuận là 23.017.965.354 tăng 15.877.342.342 tương đương với tỷ lệ 222.35%, một mức tăng khá cao. Đóng góp vào ngân sách Nhà nước 5.754.491.339 tăng 3.755.116.895 tương đương 187,81%. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2009 chỉ đạt 5.141.248.568 nhưng năm 2010 lợi nhuận là 17.263.474.016 tăng 12.122.225.448 tương đương 235,78% . Chứng tỏ quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2010 là khá lớn.

2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THUẬN THIÊN

2.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CPĐT Thuận Thiên

2.2.1.1. Đặc điểm công tác bán hàng

Trong điều kiện hiện nay, công tác tiêu thụ sản phẩm được coi là một công tác rất quan trọng, nó quyết định sự thành bại của một doanh nghiệp. Do vậy để đẩy mạnh số lượng sản phẩm bán ra tăng lợi nhuận, công ty đã có những phương thức bán hàng khác nhau phù hợp với những khách hàng khác nhau. Bên cạnh đó, việc xác định giá bán là một nhân tố rất quan trọng đối với doanh nghiệp. Giá bán biểu thị của việc bù đắp chi phí và mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp. Đối với khách hàng, giá bán là biểu thị của chi phí bỏ ra. Hiểu được mối quan hệ trên, công ty đã cân nhắc và đưa giá bán phù hợp đảm bảo người mua có thể chấp nhận được.

Công ty CPĐT Thuận Thiên tiến hành theo phương thức bán hàng trực tiếp. Theo phương thức này công ty có thể bán buôn với số lượng lớn hoặc bán lẻ với xuất bán trực tiếp cho đối tượng khách hàng có khối lượng nhỏ. Với những khách hàng mua sản phẩm thiết kế web theo hợp đồng đã ký hay mua sản phẩm khác của công ty theo đơn đặt hàng, công ty luôn đề ra chính sách giá cả phù hợp trên cơ sở giá thị trường hoặc giá đã thoả thuận với khách hàng trong các hợp đồng mua bán trên cơ sở hai bên cùng có lợi để tạo mối quan hệ tốt với khách hàng và duy trì mối quan hệ đó lâu dài.

Các phương thức thanh toán:

- Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

- Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường

xuân và có uy tín với doanh nghiệp

- Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi công ty thực hiện giao hàng xong, bản thân người bán ký phát đến ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả. Đồng tiền phát sinh là tiền ghi sổ chứ không phải là tiền thực tế.

2.2.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng:

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, yêu cầu của khách hàng đối với Công ty về việc mua bán các sản phẩm của Công ty, căn cứ vào thời hạn giao hàng đã thỏa thuận, khi sản phẩm xuất ra khỏi Công ty và chuyển tới khách hàng thì sản phẩm này được coi là tiêu thụ và được khách hàng chấp nhận.

Các chứng từ bao gồm:

- Phiếu xuất kho, Biên bản giao nhận hàng hóa
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng

Sổ sách kế toán sử dụng:

- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra
- Nhật ký bán hàng, Nhật ký chung
- Sổ cái TK 511
- Bảng cân đối phát sinh, Báo cáo tài chính

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng:

- TK 511: Doanh thu bán hàng
- Trong đó TK 511 dùng để phản ánh tổng số doanh thu bán hàng thực tế của công ty

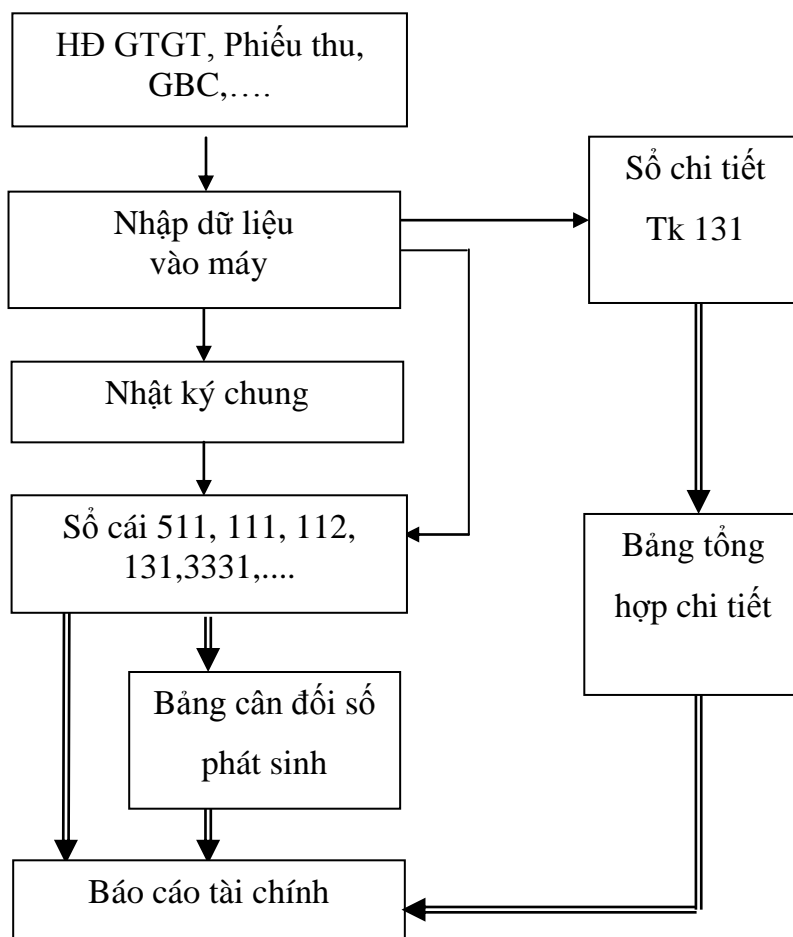
2.2.1.4. Phương pháp hạch toán doanh thu:

- Khách hàng mua hàng tại kho hay tại Công ty, thì phòng kinh doanh sẽ viết giấy xuất kho cho người mua, căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán viết hoá đơn GTGT giao cho khách hàng (liên màu đỏ). Khách hàng khi nhận được hoá đơn có thể thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

- Khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến doanh thu sau khi thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định kế toán viết hoá đơn GTGT và căn cứ vào hình thức thanh toán của khách hàng để lập chứng từ gốc liên quan: Phiếu thu nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, giấy báo có của NH nếu khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản, chứng từ chứng kê khác nếu khách hàng trả tiền sau.

- Căn cứ vào hoá đơn bán hàng kế toán nhập số liệu vào máy và từ đó số liệu sẽ được tự động chuyển vào bảng kê chi tiết hoá đơn chứng từ dịch vụ bán ra, Nhật ký chung và Sổ cái. Từ Sổ cái các TK 511, 632, 711 911, 421... số liệu được tự động tổng hợp vào Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ doanh thu bán hàng



2.2.1.5. Trình tự kế toán bán hàng trên máy vi tính

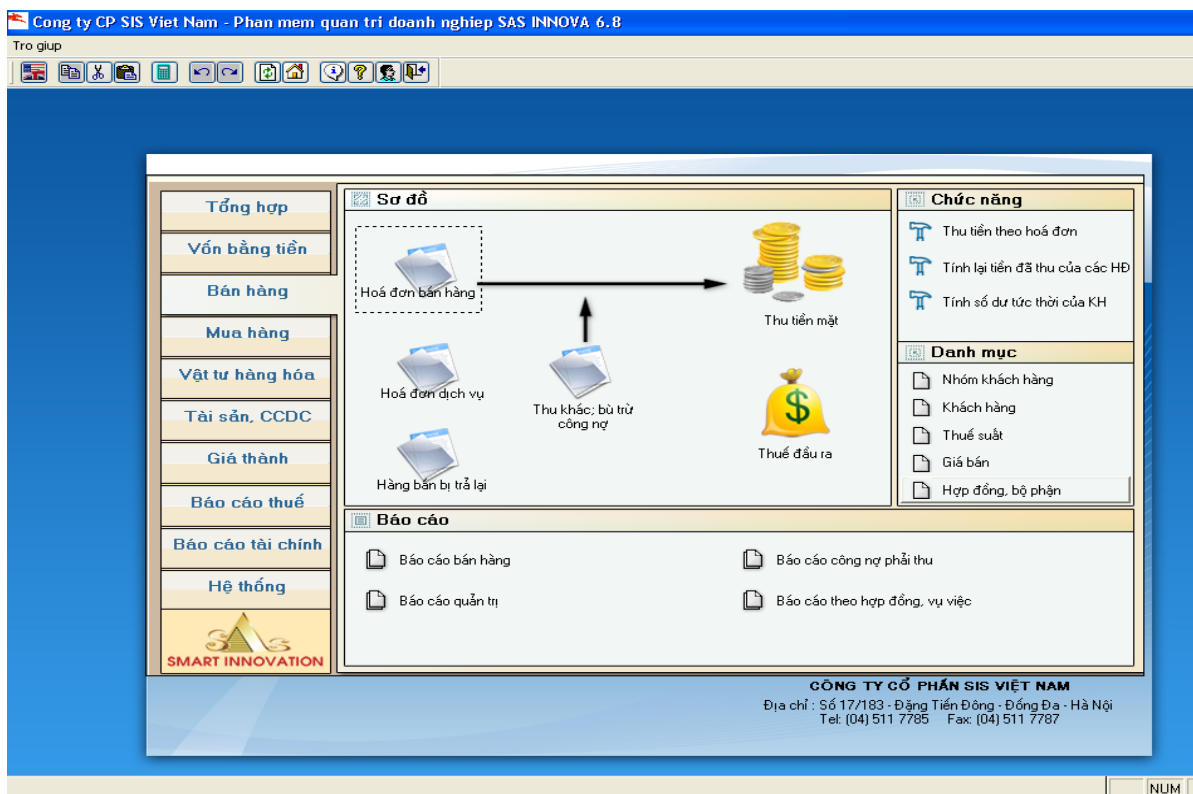
Kích đúp chuột vào biểu tượng SAS INNOVA trên màn hình vi tính. Lúc đó trên màn hình vi tính sẽ xuất hiện giao diện chính của chương trình kế toán đang sử dụng. Sau đó, từ các chứng từ gốc (như hóa đơn GTGT, giấy báo có...) kế toán sẽ nhập dữ liệu vào máy vi tính thông qua thiết bị nhập và được lưu giữ

trên thiết bị nhớ dạng tệp tin dữ liệu chi tiết, từ các dữ liệu chi tiết được chuyển vào các tệp sổ cái để hệ thống hóa các nghiệp vụ theo từng đối tượng quản lý.

Các phím chức năng thường sử dụng: F3- Sửa, F4- Thêm, F7- In, F8- Xóa, ESC- Quay ra.

Kế toán cập nhật hóa đơn bán hàng bằng cách vào mục “Bán hàng”, sau đó vào mục “Hóa đơn bán hàng”; nhấn vào “Mới” để nhập số liệu liên quan đến phát sinh nghiệp vụ bán hàng. Ấn F4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5- Xem.

Biểu số 2.7: Giao diện phần mềm kế toán phần Bán hàng



Ví dụ 1: Theo hợp đồng số 2210/2010/HĐMB ngày 20/12/2010, công ty xuất bán cho công ty CPTM số Duy Anh một số USB đã thanh toán bằng tiền mặt, tổng cộng tiền thanh toán: 39.270.000, thuế suất GTGT cho loại mặt hàng này: 10%.

Thủ kho viết phiếu xuất kho với số lượng theo yêu cầu của khách hàng.

Từ phiếu xuất kho kế toán viết Hóa đơn GTGT (Biểu số 2.7) thành ba liên:

- Liên 1: Màu tím để lưu lại chứng từ gốc
- Liên 2: Màu đỏ giao khách hàng
- Liên 3: Màu xanh để lưu nội bộ

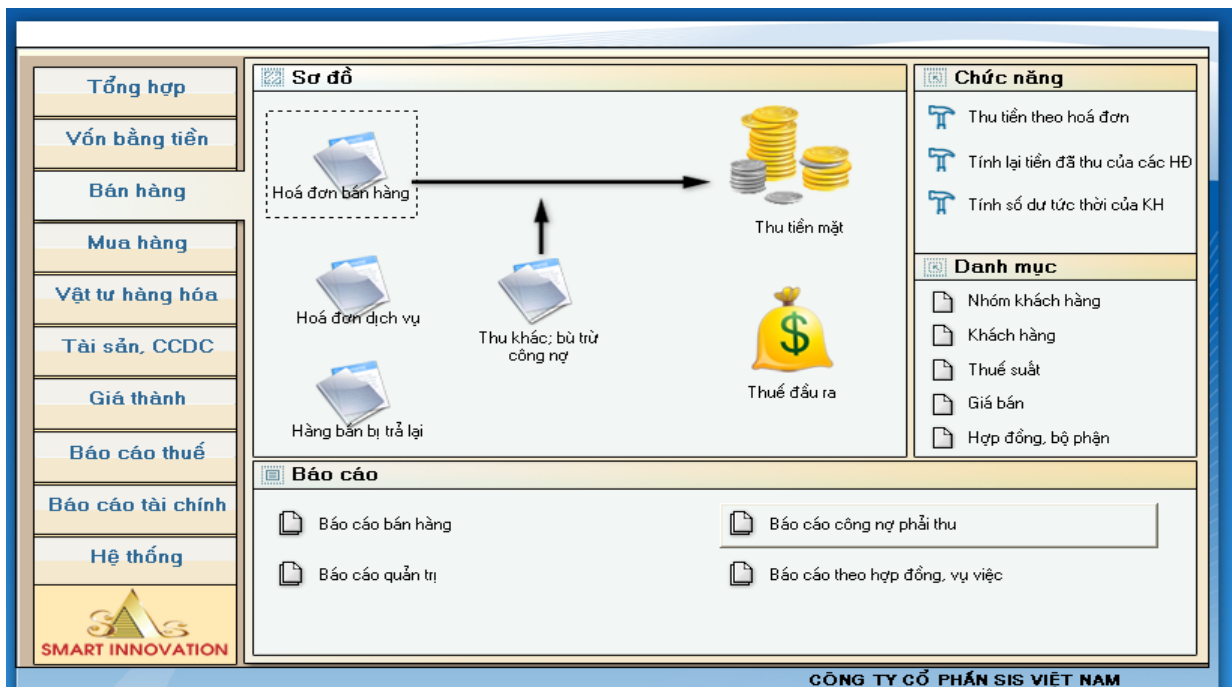
Biểu số 2.8: Hóa đơn giá trị gia tăng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	USB loại 2 GB	Chiếc	50	150.000	7.500.000
2	USB loại 4 GB	Chiếc	30	250.000	7.500.000
3	USB loại 8 GB	Chiếc	30	420.000	12.600.000
4	USB loại 16 GB	Chiếc	10	810.000	8.100.000
Cộng tiền hàng:					35.700.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		3.570.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					39.270.000
Số tiền bằng chữ: <i>Ba mươi chín triệu hai mươi bảy nghìn đồng chẵn</i>					

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
---------------------------------------	---------------------------------------	--

Từ chứng từ gốc là hóa đơn giá trị gia tăng, kế toán tiến hành nhập số liệu vào máy qua phần mềm kế toán Sas Innova.

Từ màn hình máy tính, kế toán vào theo đường dẫn: “Bán hàng/hóa đơn bán hàng”. Màn hình xuất hiện như sau:



Kế toán kích vào ô “hóa đơn bán hàng”, sau đó nhập số liệu có liên quan đến hóa đơn giá trị gia tăng:

Công ty lập phiếu thu nhằm xác định số tiền mặt thực tế nhập quỹ và làm căn cứ để thủ quỹ thu tiền, ghi sổ quỹ, kết toán ghi sổ các khoản thu có liên quan

PT được lập làm 3 liên: thủ quỹ giữ lại một liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nộp tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu (Phần mềm kế toán Sas innova)

Sau khi lập hóa đơn GTGT và PT, số liệu sẽ được tự động vào các sổ chi tiết, nhật ký bán hàng, sổ Nhật ký chung và Sổ cái.

Cuối tháng kế toán thực hiện Bút toán khóa sổ để kết chuyển doanh thu xác định kết quả kinh doanh

Biểu số 2.9: Trích Sổ nhật ký bán hàng**Đơn vị: Công ty CPĐT Thuận Thiên****Mẫu số S03a-DN****Địa chỉ: 51 Lạch Tray - Ngô Quyền - HP***Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**Ngày 20/2/2006 của Bộ trưởng BTC***SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG****Năm: 2010**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK	Có 33311	Có 511	Tổng cộng
NT	SH						
						
19/12/09	PT 90	Cty TNHH Hòa Long	Bán hàng	1111	1.547.500	15.475.000	17.022.500
19/12/09	HĐ 82411	Tổng cty dầu khí VN	Thiết kế web	131	0	45.012.000	45.012.00
20/12/09	HĐ 82412	Cty CP TM số Duy Anh	Bán hàng	1111	3.570.000	35.700.000	39.270.000
						
		Tổng cộng			9.851.140.254	107.158.982.595	117.010.122.849

Biểu số 2.10: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: công ty CPĐT Thuận Thiên

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 51 Lạch Tray-NQ-HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
					
PX54/12	18/12	Xuất bán cho cty	632		124.952.478	
		Bình Minh		156		124.952.478
HĐ51469	18/12	Bán hàng chưa thu tiền	131		145.842.950	
		Doanh thu bán hàng		511		132.584.500
		Thuế GTGT đầu ra		3331		13.258.450
PC48/12	18/12	Thanh toán tiền điện	641		1.707.500	
		HĐ0647243 pvụ	642		1.105.420	
		sản xuất kinh doanh	133		281.292	
				111		3.094.212
	
PC51/12	19/12	Thanh toán tiền nước	641		259.250	
		p.vụ SXKD tháng 12	642		300.000	
			133		55.925	
				111		615.175
	
		- Cộng chuyển trang			121.879.037.250	121.879.037.250
		- Cộng lũy kế			908.734.208.667	908.734.208.667

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đơn vị: công ty CPĐT Thuận Thiên

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 51 Lạch Tray-NQ-HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2010**

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
					
HĐ82412	20/12	Bán hàng thu tiền mặt	111		39.270.000	
		Doanh thu bán hàng		511		35.700.000
		VAT đầu ra tương ứng		3331		3.570.000
PX55/12	20/12	Xuất hàng bán cho cty	632		32.000.000	
		CPTM số Duy Anh		156		32.000.000
	
HĐ98643	30/12	Nhập kho đầu DVD	156		26.250.000	
		Thuế GTGT đầu vào	133		2.625.000	
		Đã trả bằng tiền mặt		111		28.875.000
	
BC542172	31/12	Nhập lãi tiền gửi ngân	112		2.541.429	
		hàng ABC tháng 12		515		2.541.429
PKT23/12	31/12	Trích khấu hao	641		500.000	
		Tháng 12	642		1.108.904	
				214		1.608.904
		- Cộng chuyển trang			121.879.037.250	121.879.037.250
		- Cộng lũy kế			908.734.208.667	908.734.208.667

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.11: Trích sổ cái TK 511

Đơn vị: CTY CPĐT Thuận Thiên

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 51 Lạch Tray-NQ-HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng

Số hiệu TK: 511

Năm 2010

ĐVT: VNĐ

Cc		Diễn Giải	TK Đ Ư	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<u>SĐĐK</u>			
		Số phát sinh			
				
15/12	HĐ51468	Bán lẻ hàng hoá	111		36.251.000
18/12	HĐ51469	Bán chịu cho cty TNHH Binh Minh	131		132.584.500
				
19/12	HĐ82409	Thiết kế web cho Tổng cty Dầu khí	131		45.012.000
20/12	HĐ82412	Bán hàng cho ctyCPTM số Duy Anh	131		39.270.000
31/12	PKT04/12	Kết chuyển sang 911	911	107.158.982.595	
		Cộng phát sinh		107.158.982.595	107.158.982.595
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

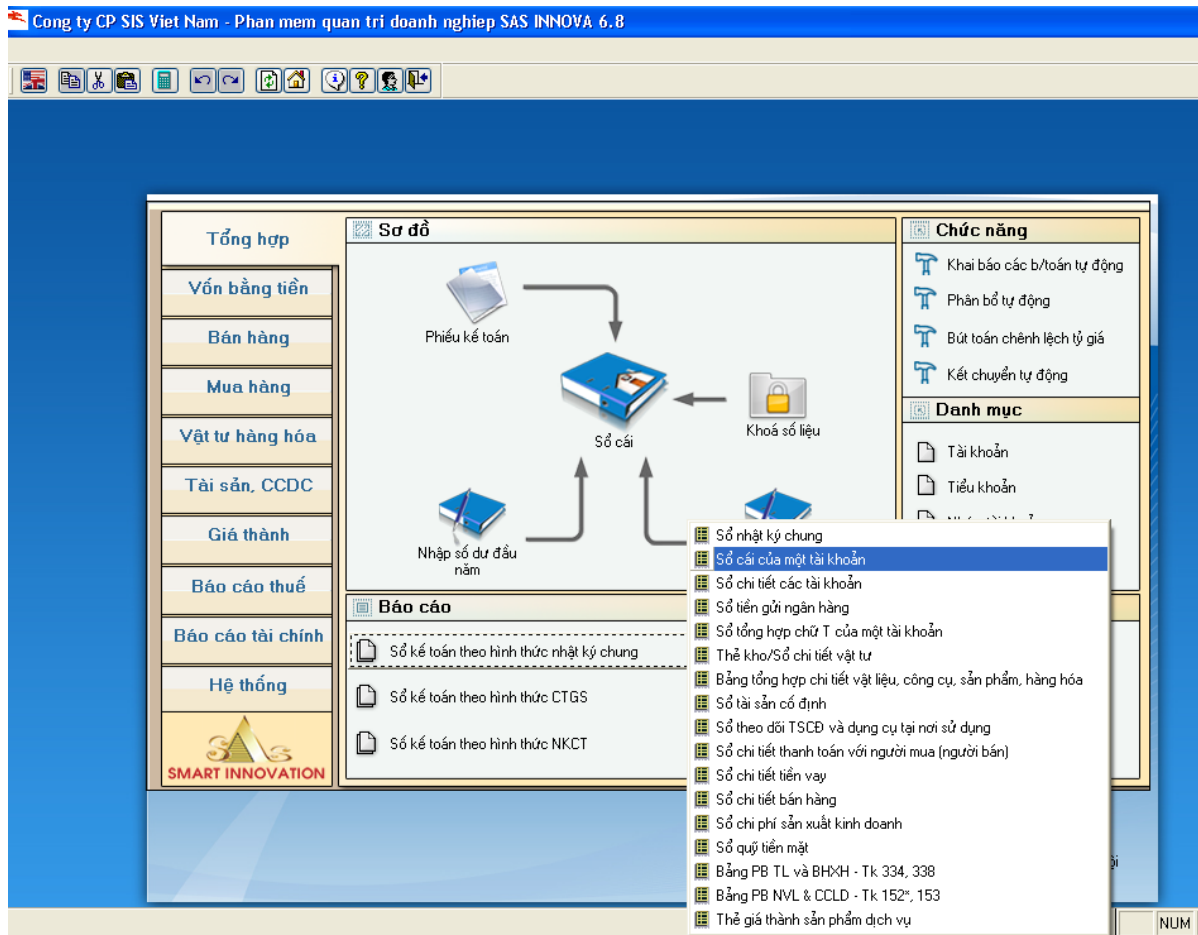
(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Để xem sổ cái TK 511: Từ màn chính kế toán chọn mục “Tổng hợp”, sau đó vào mục: “Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung\Sổ cái của một tài khoản”, nhập tên tài khoản và tháng năm cần xem (Ví dụ: từ 01/12/2010 đến 31/12

/2010) và chọn “nhận”, trên màn hình sẽ xuất hiện sổ cái TK 511, muốn thoát ấn ESC

Biểu số 2.12: Giao diện đường dẫn vào sổ cái



2.2.2. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính

DT hoạt động tài chính của công ty CPĐT Thuận Thiên chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

➤ *Tài khoản sử dụng :*

+ TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

➤ *Chứng từ sử dụng :*

+ Sổ phụ, Giấy báo có

+ Giấy báo lãi

+ Bản sao kê của ngân hàng

➤ *Sổ sách sử dụng :*

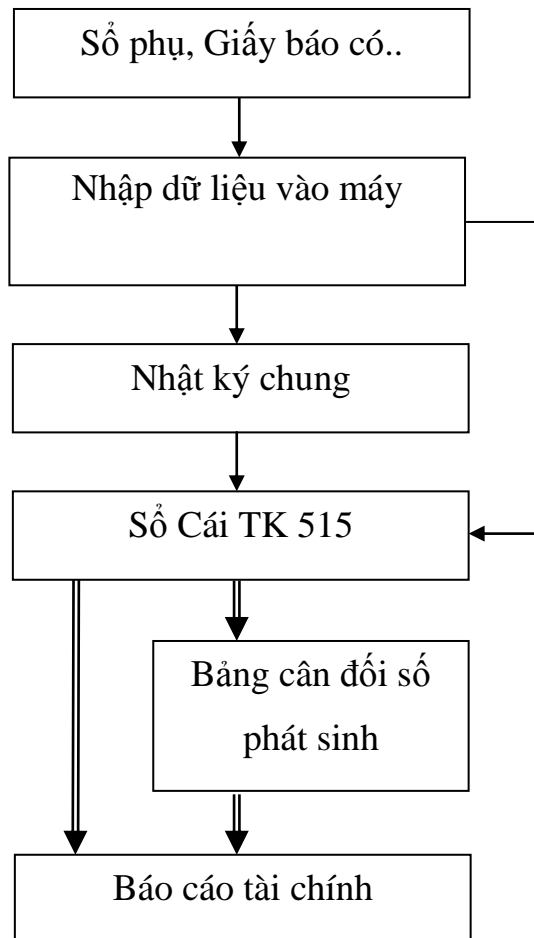
+ Sổ cái TK 515

+ Bảng cân đối số phát sinh

+ Báo cáo tài chính

➤ *Phương pháp hạch toán :*

Sơ đồ 2.13 : Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính



Ví dụ 2: Ngày 31/12/2010 nhập lãi tiền gửi ngân hàng Thương mại Á Châu tháng 12 là 2.541.429 VNĐ theo giấy báo Có số 354182.

Chứng từ gốc bao gồm: sổ phụ và giấy báo có.

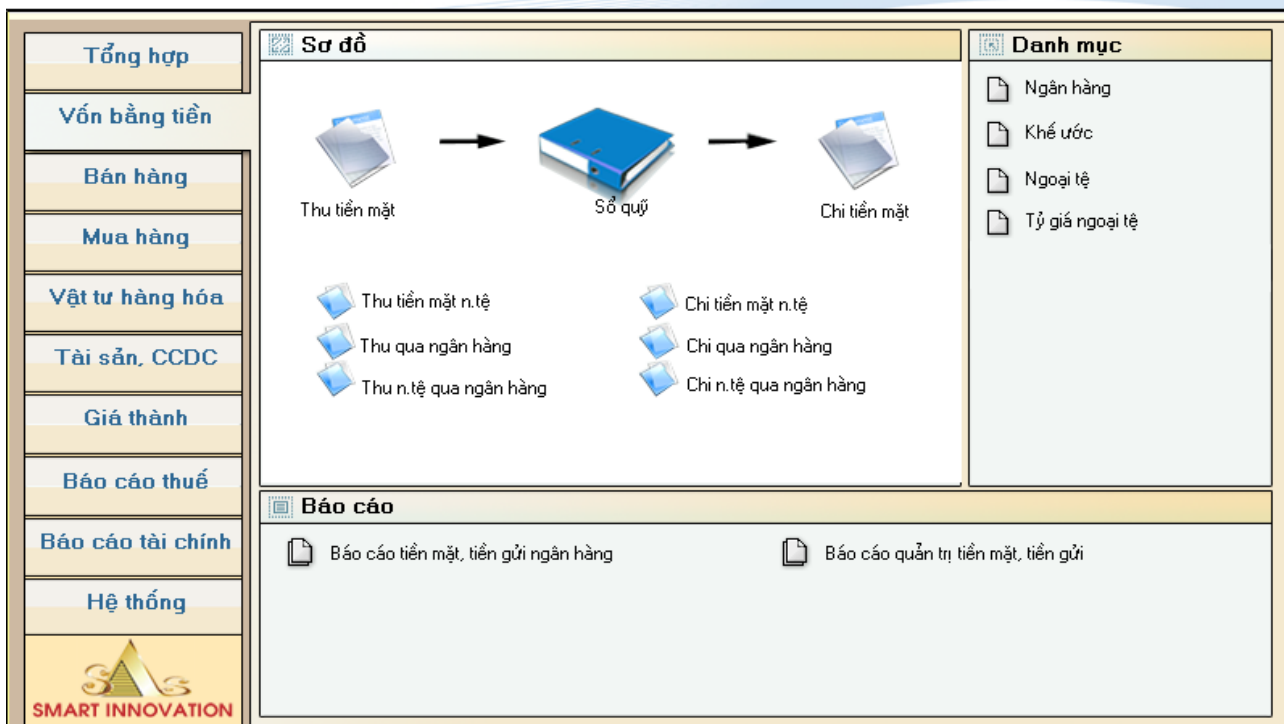
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU			
ASIA COMMERCIAL BANK		Số: 054	
Tài khoản: 542175	SỔ PHỤ VNĐ		
CTY CPĐT THUẬN THIÊN	Ngày 31/12/2010		
DIỄN GIẢI	GHI NỢ	GHI CÓ	
	Số dư đầu ngày		14.215.471
## LÃI NHẬP TIỀN GỬI ##			2.541.429
	Tổng phát sinh ngày	0	2.541.429
	Số dư cuối ngày		16.756.900
SỔ PHỤ		KIỂM SOÁT	

Biểu số 2.14: Sổ phụ và Giấy báo có

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU		Mã GDV: BATCH	
ASIA COMMERCIAL BANK		Mã KH: 104366	
GIẤY BÁO CÓ		Số GD: 542172	
Ngày 31/12/2010			
Kính gửi: Công ty CPĐT Thuận Thiên			
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:			
Số tài khoản ghi Có: 542175			
Số tiền bằng số: 2.541.429 VNĐ			
Số tiền bằng chữ: [+] Hai triệu năm trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm hai mươi chín VNĐ			
Nội dung: Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng Thương mại Á Châu			
GIAO DỊCH VIÊN		KIỂM SOÁT	

Dựa trên chứng từ gốc: sổ phụ và giấy báo có, kế toán tiến hành lập phiếu thu bằng phần mềm kế toán Sas innova

Từ màn hình, kế toán vào theo đường dẫn: “Vốn bằng tiền/danh mục/thu qua ngân hàng”



Sau khi kích vào “thu qua ngân hàng”, kế toán điền các thông tin vào bảng nhập phiếu thu (qua ngân hàng)

Khi các thông tin được hoàn tất, kế toán kích “lưu”, muốn xem hoặc in PT kế toán kích vào “in chứng từ”. Màn hình xuất hiện giao diện PT (qua ngân hàng)

Phiếu thu được lập bằng phần mềm kế toán Sas Innova, các số liệu sẽ tự động chạy vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 515

Biểu số 2.15: Trích sổ cái TK 515

Đơn vị: công ty CPĐT Thuận Thiên

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 51 Lạch Tray-NQ-HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 515

Năm 2010

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn Giải	TK Đ U'	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
		Số phát sinh			
				
30/11	BC276102	Nhập lãi TGNH T11	112		1.289.547
31/12	BC276145	Nhập lãi TGNH T12	112		2.541.429
31/12	PKT05/12	Kết chuyển sang 911	911	15.263.695.662	
		Cộng phát sinh		15.263.695.662	15.263.695.662
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí tại công ty CPĐT Thuận Thiên

2.2.3.1 Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn của hàng bán chính là giá gốc của hàng hoá hoặc nguyên giá của hàng hóa nhập kho. Giá vốn có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận. Vì vậy phải theo dõi chặt chẽ và xác định đúng giá vốn của hàng bán ra trong kỳ.

- Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền. Theo phương pháp này, căn cứ vào giá thực tế của sản phẩm, hàng hoá tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, kế toán xác định được giá bình quân của một đơn vị sản phẩm, hàng hoá. Căn cứ vào số lượng hàng hoá, nguyên vật liệu xuất ra trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định giá thực tế xuất trong kỳ.

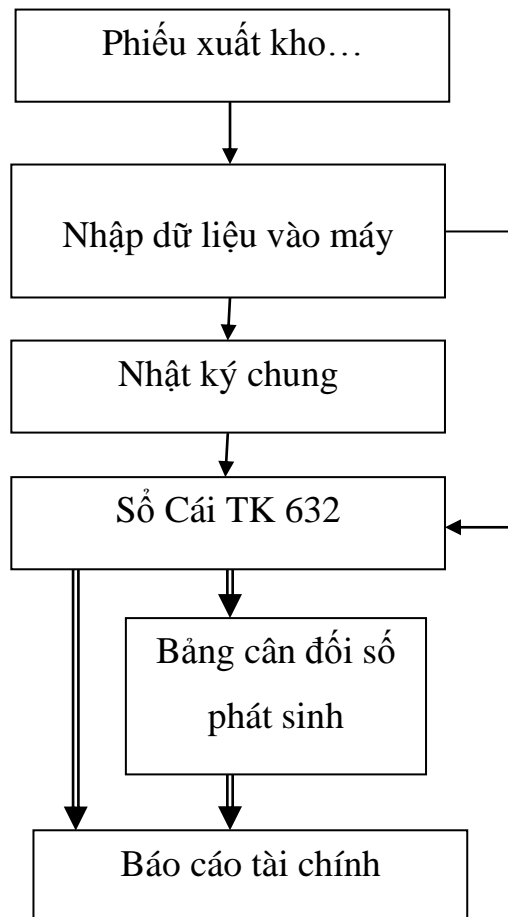
➤ *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu xuất kho
- Bảng kê mua hàng

➤ *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 632
- Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính

➤ *Phương pháp hạch toán:*

Sơ đồ 2.16: Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán tại công ty CPĐT**Thuận Thiên****Ghi chú:**

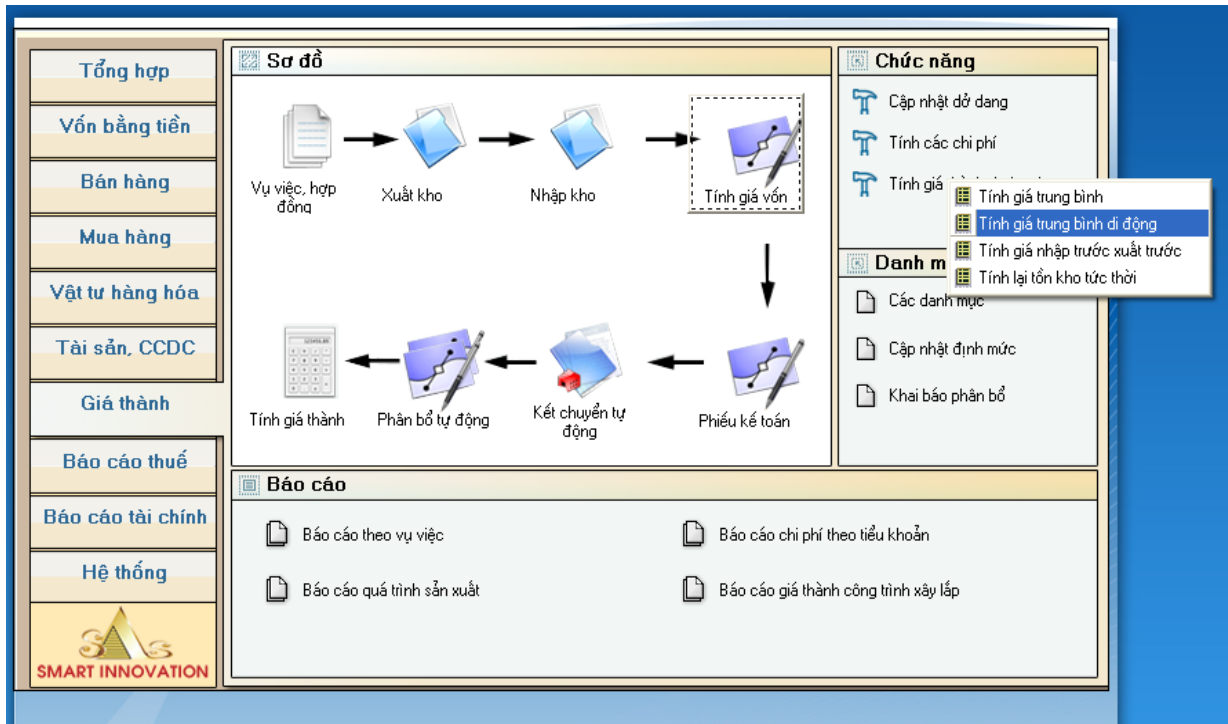
Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Ví dụ 3: Vẫn sử dụng VD 1: Theo hợp đồng số 2210/2010/HĐMB ngày 20/12/2010, Công ty xuất bán cho công ty cổ phần thương mại số Duy Anh một số USB đã thanh toán bằng tiền mặt, tổng cộng tiền thanh toán: 39.270.000, thuế suất GTGT cho loại mặt hàng này: 10%

- Giá mua thực tế của hàng xuất kho sẽ được máy tính tự động tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hóa đơn giá trị gia tăng.

- Khi màn hình phần mềm kế toán xuất hiện, Kế toán vào tính giá vốn theo đường dẫn: “Giá thành\Tính giá vốn\Tính giá trung bình di động”



Biểu số 2.17: Giao diện nhập, tính giá vốn tự động

Trên màn hình này, ta nhập ngày tháng năm cần tính giá vốn, rồi kích “Nhận”.

Máy tính sẽ tự động tính giá vốn và cho ra P XK

Sau khi tính giá vốn tự động ở mục “Giá thành”, kế toán quay lại mục “Bán hàng”, vào lại hóa đơn vừa lập, kích vào “In chứng từ”, chọn số 3 để xem P XK:

Công ty CPĐT Thuận Thiên sử dụng phiếu xuất kho:

- P XK dùng để theo dõi chặt chẽ số lượng hàng hóa xuất kho cho các bộ phận sử dụng trong doanh nghiệp, làm căn cứ để hạch toán chi phí sản xuất.

- P XK được in ra thành 3 liên: Liên 1: Lưu gốc (lưu trên máy tính), Liên 2: Kế toán lưu lại làm chứng từ, Liên 3: Người nhận hàng hóa giữ để theo dõi ở bộ phận sử dụng

Phiếu xuất kho được lập bởi phần mềm kế toán Sas innova, số liệu sẽ tự động vào các sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 632

Biểu số 2.18: Trích Sổ cái TK 632

Đơn vị: công ty CPĐT Thuận Thiên

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 51 Lạch Tray-NQ-HP

*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC***SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK: 632

Năm 2010

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
		Số phát sinh			
				
15/1	PX13/12	Xuất bán lẻ	156	30.179.751	
18/1	PX14/12	Xuất bán cho cty TNHH Bình	156	124.952.478	
				
20/1	PX55/12	Xuất bán cho cty CPTM Duy Anh	156	32.000.000	
31/1	PKT06/1	Kết chuyển sang 911	911		89.623.554.61
		Cộng phát sinh		89.623.554.610	89.623.554.61
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.3.2 Tổ chức kế toán chi phí bán hàng

Đối với những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thì CP BH và CP QLDN là những loại chi phí không thể thiếu được và thường chiếm một tỉ trọng không nhỏ. Vì vậy việc theo dõi và hạch toán các loại chi phí này một cách chính xác rất quan trọng, nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Nội dung kinh tế của các khoản chi phí bán hàng tại công ty có:

- Chi phí nhân viên bán hàng: Bao gồm tiền lương, tiền công và quỹ trích nộp bắt buộc theo tiền công (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn)

- Chi phí vật liệu, bao bì: Chi dùng thực tế cho nhu cầu sửa chữa tài sản, xử lý hàng hoá dự trữ, bao gói hàng để tăng thêm giá trị thương mại cho hàng hoá

- Chi phí khấu hao TSCĐ của các khâu bán hàng (kho, quầy, cửa hàng, phương tiện vận tải,...)

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Dịch vụ điện, nước, ga, bảo hành, quảng cáo, điện thoại, vận tải, hoa hồng ...

Chi phí bằng tiền mặt khác: Các khoản chi không thuộc nội dung trên, được chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hoặc tiền tạm ứng.

➤ *Chứng từ sổ sách sử dụng :*

- + Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn GTGT
- + Bảng thanh toán lương, bảng trích khấu hao TSCĐ
- + Phiếu kế toán
- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 641,111,112.....
- + Bảng cân đối phát sinh, báo cáo tài chính

➤ *Tài khoản sử dụng:*

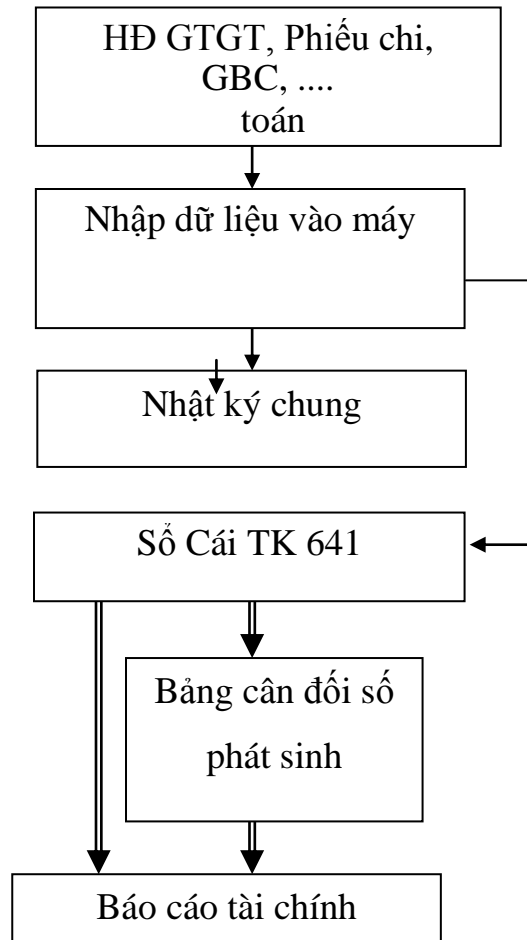
Kế toán sử dụng tài khoản 641- Chi phí bán hàng

Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

➤ Phương pháp hạch toán:

Quy trình ghi sổ chi phí bán hàng (trang bên)

Sơ đồ 2.19: Quy trình ghi sổ chi phí bán hàng



Ví dụ 4: Ngày 18/12/2010, công ty chi tiền mặt thanh toán tiền điện phục vụ sản xuất kinh doanh (tháng 12) cho công ty điện lực, số tiền: 3.094.212

Biểu số 2.20: HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT*(Liên 2: Giao cho khách hàng)*

Ký hiệu: AA/2003

Số : 0647243

EVN 003.678.680.840

Công ty điện lực Hp Kỳ: 1 Từ ngày: 17/11 đến ngày: 18/12/2010

Điện lực: MST: 0200340211 Phiên: 1

Địa chỉ: Số GCS: DD 257- 60 Số hộ: 1

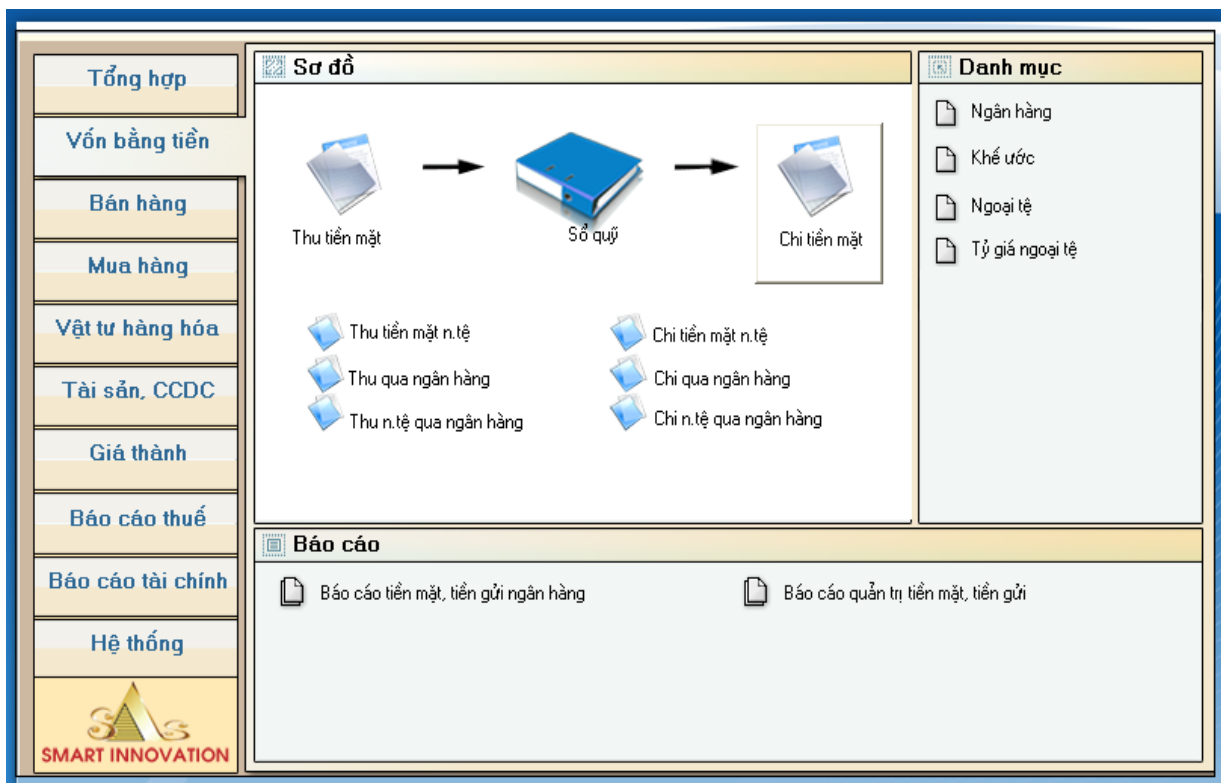
Điện thoại: 3.215478 Tài khoản: 57A- 00247 NHCT HP

Tên và địa chỉ khách hàng: Công ty CPĐT Thuận Thiên -51 Lạch Tray-NQ-HP

MST KH: 0102595719 Mã KH: 000874587

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện TT	Đơn giá	Thành tiền	
5041	2910	1	2131	1320	2.812.920	
Ngày: TUQ Giám đốc Nguyễn Huy Hà		Cộng	2131		2.812.920	
		Thuế suất GTGT: 10% . Thuế GTGT				281.292
		Tổng cộng tiền thanh toán				3.094.212
		Số viết bằng chữ: Ba triệu không trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm mười hai đồng				

Trên màn hình vi tính, Kế toán vào mục: “Vốn bằng tiền”, sau đó chọn “Chi tiền mặt” để bắt đầu cập nhật phiếu chi.

Biểu số 2.21: Giao diện Vốn bằng tiền

Trên sơ đồ kế toán kích vào “chi tiền mặt”. Một màn hình mới xuất hiện giao diện nhập phiếu chi. Kế toán tiến hành nhập các thông tin có liên quan đến chứng từ gốc: Hóa đơn tiền điện GTGT

Sau khi điền đầy đủ các thông tin, kế toán kích “Lưu”, rồi vào “in chứng từ” để xem hoặc in phiếu chi:

Công ty tiến hành hạch toán nghiệp vụ này như sau:

Công ty tiến hành chi tiền mặt để thanh toán tiền điện tháng 12 cho công ty Điện Lực. Để chi tiền, kế toán dựa trên phiếu chi và tiến hành lập PC:

- PC phản ánh số tiền mà công ty phải trả cho công ty Điện Lực, đồng thời xác định các khoản tiền mặt thực tế xuất quỹ và làm căn cứ để thủ quỹ xuất quỹ và kế toán ghi sổ kế toán.
- PC phải có đầy đủ các chữ ký sống ở cả 3 liên nhằm đảm bảo tính trung thực và phải được kế toán trưởng và thủ trưởng ký duyệt chi trước khi chi.
- Phiếu chi được lập thành 3 liên:
 - + Liên 1: Lưu gốc (lưu trên phần mềm kế toán)

+ Liên 2: Kế toán sau khi lập sẽ lưu lại làm chứng từ

+ Liên 3: Giao cho người nhận tiền

Cũng như các nghiệp vụ trước, bằng phần mềm kế toán Sas innova, các số liệu tại phiếu chi sẽ tự động vào các sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 641

Biểu số 2.22: Trích sổ cái TK 641

Đơn vị: CTY CPĐT Thuận Thiên

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 51 Lạch Tray-NQ-HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu TK: 641

Năm 2010

DVT: VND

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
		Số phát sinh			
				
18/12	PC48/12	T/t tiền điện theo HĐ0647243	111	1.707.500	
				
19/12	PC51/12	T/t tiền nước tháng 12	111	259.250	
				
31/12	PKT63/12	Trích khấu hao tháng 12	214	500.000	
31/12	PKT07/12	Kc sang TK 911	911		4.889.357.442
		Cộng phát sinh		4.889.357.442	4.889.357.442
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.3.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

CP QLDN cũng là một trong những khoản chi phí lớn của Công ty. CP QLDN là những khoản chi phí có liên quan đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất cứ hoạt động nào. CP QLDN của công ty gồm các khoản: chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí nhân viên quản lý: Các khoản phải trả cho cán bộ quản lý doanh nghiệp bao gồm tiền lương, các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn...

- Chi phí đồ dùng văn phòng: Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Chi phí nhà cửa làm việc của các phòng ban, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng,...

- Thuế, phí và lệ phí: Chi phí thuế môn bài, tiền thuê đất...

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: dịch vụ điện, nước, điện thoại...

- Chi phí bằng tiền khác: Chi phí tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

➤ *Các chứng từ sổ sách sử dụng :*

+ Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn GTGT

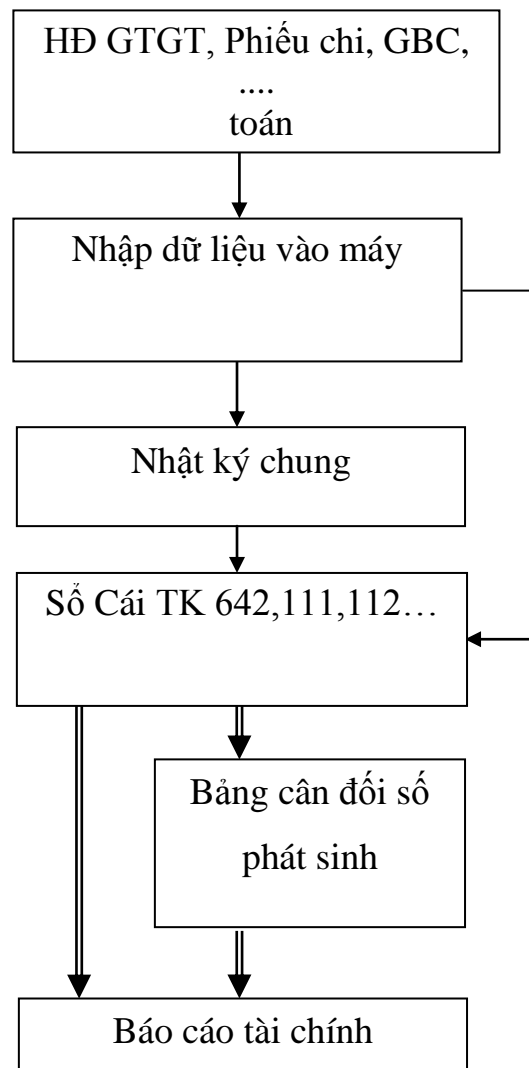
+ Bảng thanh toán lương, bảng trích khấu hao TSCĐ, Phiếu kế toán

+ Sổ cái TK 642, Bảng cân đối phát sinh, Báo cáo tài chính.

➤ *Tài khoản sử dụng :* Kế toán sử dụng TK 642 – Chi phí QLDN

➤ *Phương pháp hạch toán*

Sơ đồ 2.23: Quy trình ghi sổ chi phí quản lý doanh nghiệp



Ví dụ 5: Tháng 12, kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ (theo bảng tổng hợp trích khấu hao TSCĐ) :

Biểu số 2.24 : Bảng tổng hợp trích khấu hao TSCĐ

Đơn vị: Cty CPĐT Thuận Thiên

Mẫu số S31-DN

Địa chỉ: 51 Lạch Tray - NQ - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 12 năm 2010

STT	Ngày bàn giao	Tên tài sản	Bộ phận sử dụng	Nguyên giá	GTHK lũy kế đến cuối tháng 11	Mức KH năm (hoặc TG sử dụng)	Số KH phải trích tháng 12	Phân bổ cho đối tượng sử dụng		GTHK lũy kế đến cuối tháng 12
								641	642	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 = 5 + 7
			
2	30/11/08	Máy điều hòa LG	QLDN	35.120.950	0	10 năm	1.108.904		1.108.904	1.108.904
3	30/11/08	Bộ kê tủ quầy hàng	BH	20.000.000	0	30%	500.000	500.000		500.000
			
		Cộng		1.547.820.541	0		5.210.321	1.240.510	3.587.212	5.210.321

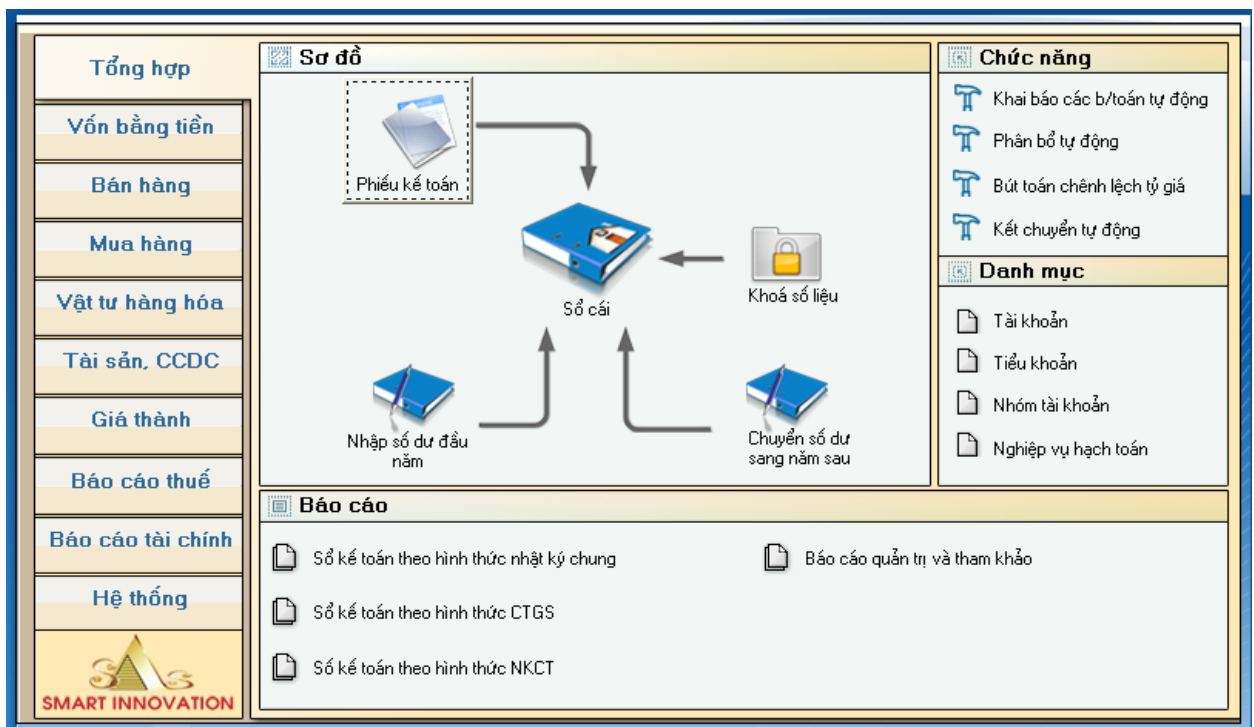
Hà nội, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Từ bảng tổng hợp trích khấu hao TSCĐ, kế toán lập “Phiếu kế toán” các TK liên quan. Kế toán vào mục: “Tổng hợp\Sơ đồ\Phiếu kế toán”

Biểu số 2.25: Giao diện vào Phiếu kế toán



Kế toán kích vào ô “Phiếu kế toán”. Màn hình xuất hiện giao diện phiếu kế toán. Kế toán điền các thông tin vào các mục trong bảng

Kế toán kích “Lưu” và vào “In chứng” để xem hoặc “Phiếu kế toán”

PKT là chứng từ kế toán, do kế toán lập, căn cứ vào đó để kế toán (người lập) hoặc kế toán phần hành khác nhận được hạch toán các nghiệp vụ vào sổ

Công ty sử dụng phiếu kế toán để hạch toán nghiệp vụ kế toán không có chứng từ kế toán kèm theo. Chẳng hạn như phiếu hạch toán kế toán các nghiệp vụ kết chuyển GTGT, phiếu kế toán liên quan đến khấu hao, tiền lương...

Từ các số liệu kế toán nhập vào, máy tính sẽ tự động chạy vào nhật ký chung, sổ cái TK 642

Biểu số 2.26: Trích sổ cái TK 642

Đơn vị: CTY CPĐT Thuận Thiên

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 51 Lạch Tray-NQ-HP

*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC***SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu TK: 642

Năm 2010

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
		Số phát sinh			
				
18/12	PC48/12	T/t tiền điện theo HĐ0647243	111	1.105.420	
				
19/12	PC51/12	T/t tiền nước tháng 12	111	300.000	
				
31/12	PKT63/12	Trích khấu hao tháng 12	214	1.108.904	
31/12	PKT07/12	Kc sang TK 911	911		4.891.800.851
		Cộng phát sinh		4.891.800.85	4.891.800.851
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.3.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính

Kế toán sử dụng TK 821- Chi phí thuế TNDN gồm 2 TK con:

TK 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

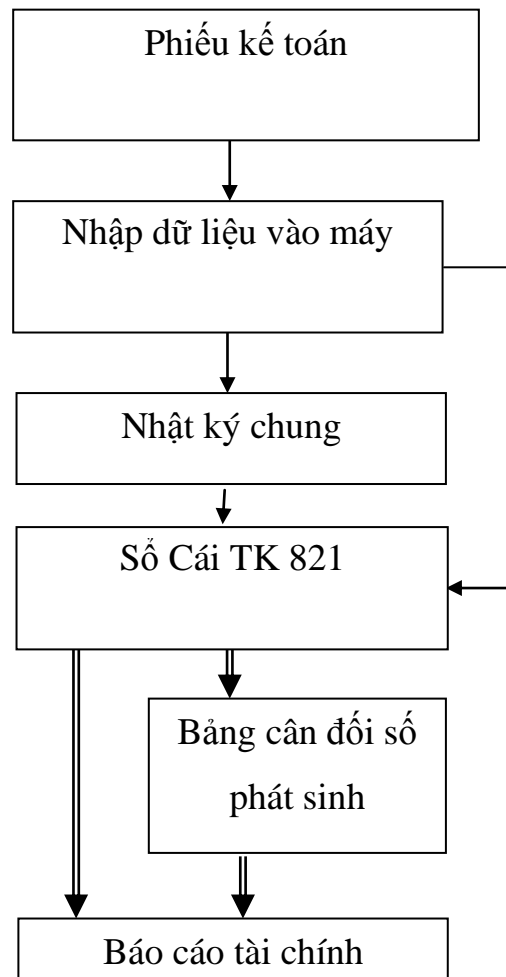
TK 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Cuối kỳ kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu và chi phí để xác định kết quả lãi lỗ và xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng: Phiếu kế toán, sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 821, bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Phương pháp hạch toán:

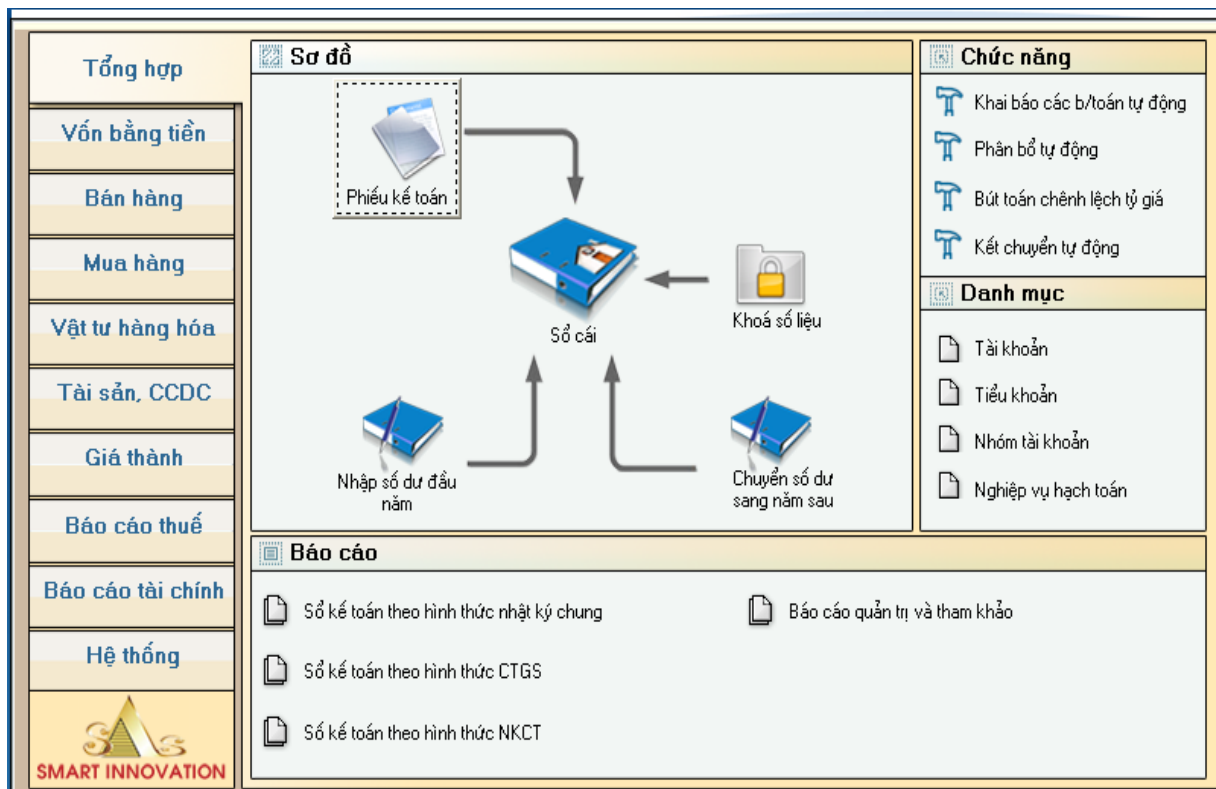
Sơ đồ 2.27: Quy trình hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



Ví dụ 6: Trong tháng 12, Công ty thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, Số tiền thuế TNDN phải nộp: 5.754.491.339

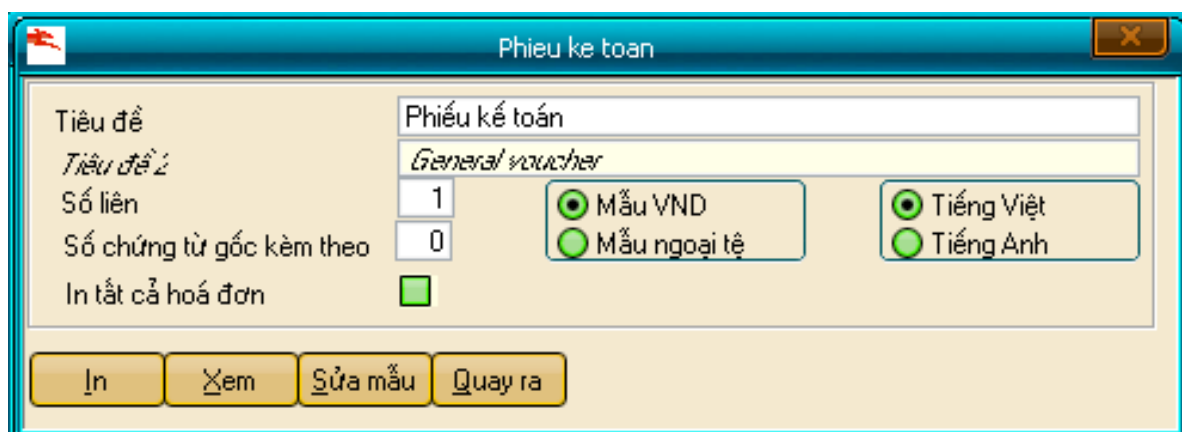
Kế toán tiến hành viết phiếu kế toán bằng phần mềm kế toán.

Kế toán vào theo đường dẫn: “ Tổng hợp\ Phiếu kế toán”. Màn hình xuất hiện:



Kích vào “Phiếu kế toán”, sau đó điền các thông tin vào bảng

Kế toán kích “Luu” rồi vào “in chứng từ” để “xem” hoặc “in” phiếu kế toán:



Số liệu trong phiếu kế toán được nhập sẽ tự động vào sổ nhật ký chung, sổ

cái TK 821

Biểu số 2.28: Trích sổ cái TK 821

Đơn vị: CTY CPĐT Thuận Thiên

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 51 Lạch Tray-NQ-HP

*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC***SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu TK: 821

Năm: 2010

DVT: VND

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SĐĐK</u>			
		Số phát sinh			
PKT64/12	31/12	Thuế thu nhập DN phải nộp	3334	5.754.491.339	
NKC/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821		5.754.491.339
		Cộng phát sinh		5.754.491.339	5.754.491.339
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPĐT Thuận Thiên

Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh được tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lãi hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo này rất quan trọng không chỉ cho nhà quản lý mà còn cho đối tượng quan tâm khác: cục thuế, nhà đầu tư, ngân hàng.... Vì vậy báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan.

Căn cứ vào các loại sổ chi tiết, sổ tổng hợp của các phân hành liên quan,

cuối tháng kế toán tổng hợp lên báo cáo kết quả kinh doanh.

❖ **Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 911, 421
- Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính.

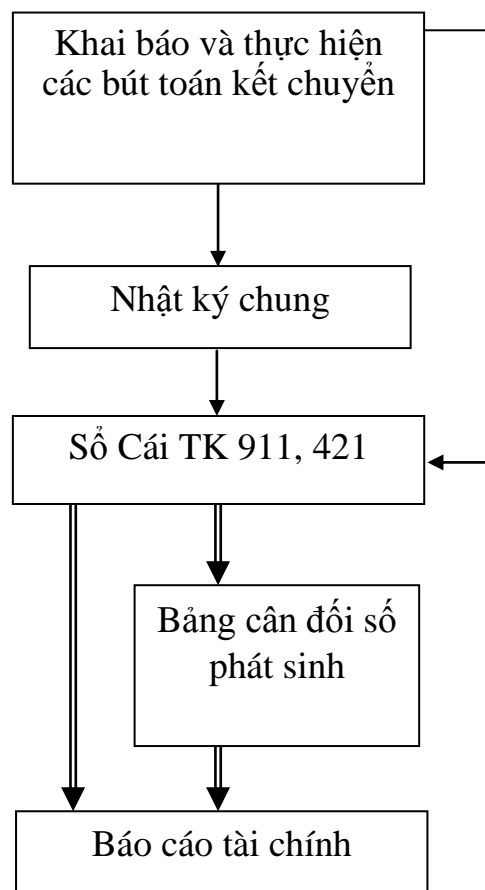
❖ **Tài khoản sử dụng:**

Kế toán sử dụng TK 911-Xác định kết quả kinh doanh và TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Kết quả kinh doanh = Doanh thu thuần – Giá vốn – (Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp) + Kết quả HĐTC + KQHĐ khác.

Sơ đồ 2.29: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh

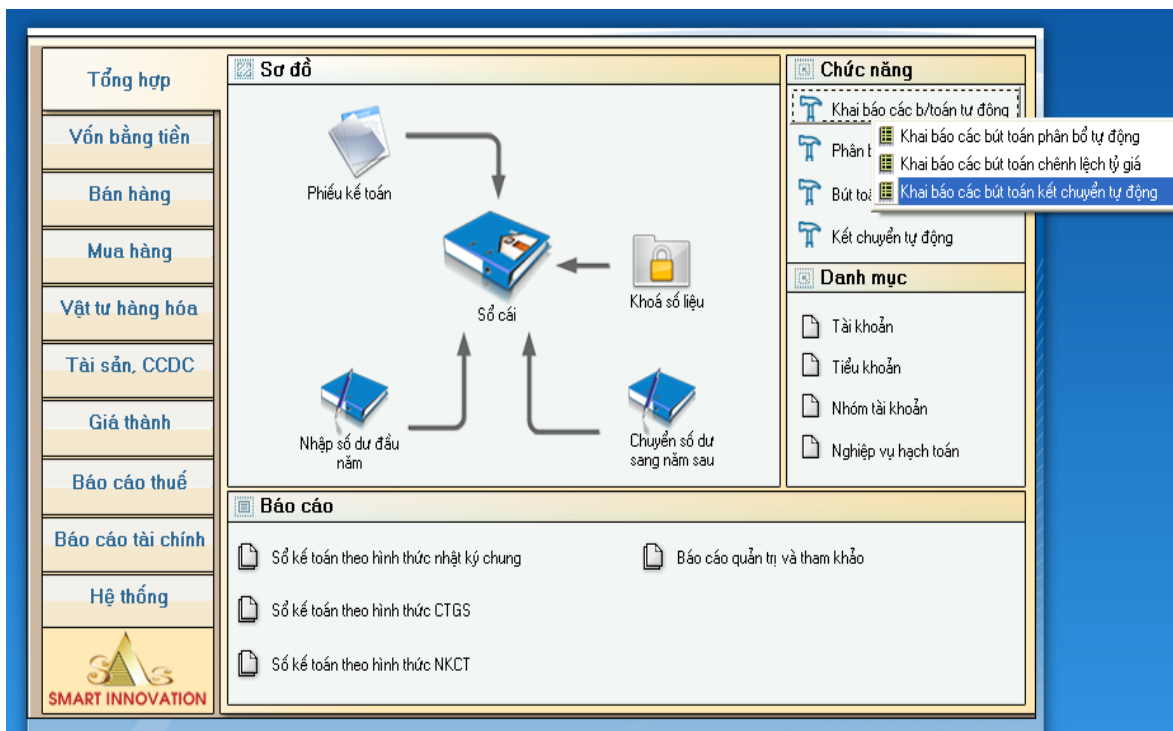


✓ Trình tự trên máy vi tính:

- Để máy tính có thể tự động các bút toán kết chuyển, trước hết kế toán phải khai báo các bút toán kết chuyển bằng cách vào phân hệ “ Tổng hợp” chọn

“Khai báo các bút toán tự động”

Biểu số 2.30: Giao diện nhập các bút toán kết chuyển



- Chọn năm cần khai báo, rồi kích “Nhận” màn hình xuất hiện các mục khai báo các bút toán kết chuyển, F3 - Sửa, F4 - Thêm, F8 - Xóa, ESC - Quay ra:

- Khi khai báo xong các bút toán kết chuyển, kế toán tiến hành kết chuyển tự động.

Kế toán vào mục: “Tổng hợp\Kết chuyển tự động\Chọn năm\Nhận”

- Màn hình kết chuyển tự động xuất hiện, ta đánh dấu “x” vào bút toán cần kết chuyển. (Đánh dấu “x” bằng cách ấn phím “cách” trên bàn phím) và tiến hành kết chuyển tự động: “Ấn F4\Chọn ngày tháng cần kết chuyển\Nhận”

Phím cách-Danh dấu, F4-Tạo các bút toán KC, F8-Xóa các bút toán đã KC, F9-Xóa tất cả, Esc-Quay ra

Tag	Stt	Ten_bt	Tk_no	Ma_vv_no	Tk_co	Ma_vv_co	Loai_kc	So_ct01	So_ct02	So_ct03
x	5	kc chi giá vốn	911		632		Co->No			
x	6	kc chi phí bán hàng	911		641		Co->No			
x	7	kc chi phí QLDN	911		642		Co->No			
x	9	kc doanh thu	511		911		No->Co			
x	10	kc doanh thu hoạt động	515		911		No->Co			
	11	kc dchi phí thuế TNDN	911		821		Co->No			
	12	kc lãi	911		421		No->Co			
	13	kc lỗ	421		911		Co->No			

- Muốn xem các bút toán đã kết chuyển, kế toán vào: “Tổng hợp\Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung”

- Khi máy tính tự động kết chuyển, các bút toán kết chuyển sẽ tự động chạy

vào nhật ký, số cái TK 911 ,số cái TK 421

Biểu số 2.31: Trích sổ cái TK 911

Đơn vị: CTY CPĐT Thuận Thiên

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 51 Lạch Tray-NQ-HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK: 911

Năm 2010

DVT: VNĐ

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ'	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
		Số phát sinh			
PKT04/12	31/12	Kết chuyển doanh thu	511		107.158.982.595
PKT05/12	31/12	Kết chuyển DT tài chính	515		15.263.695.662
PKT06/12	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	89.623.554.610	
PKT07/12	31/12	Kết chuyển chi phí BH	641	4.889.357.442	
PKT08/12	31/12	Kết chuyển chi phí	642	4.891.800.851	
PKT10/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	5.754.491.338	
PKT11/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	17.263.474.016	
		Cộng phát sinh		122.422.678.257	122.422.678.257
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.32: Trích sổ cái TK 421

Đơn vị: CTY CPĐT Thuận Thiên

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 51 Lạch Tray-NQ_HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu TK: 421

Năm 2010

ĐVT: VND

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			813.413.565
		Số phát sinh			
				
NKC/12	31/12	Kết chuyển lãi	911		17.263.474.016
		Cộng phát sinh			16.565.735.055 17.263.474.016
		<u>SDCK</u>			18.076.887.581

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THUẬN THIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính 2010

Mẫu số B02 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	01	VI.25	107.158.982.595	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		107.158.982.595	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	89.623.554.610	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.535.427.985	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	15.263.695.662	
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	-	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24		4.889.357.442	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.891.800.851	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		23.017.965.354	
11. Thu nhập khác	31		-	
12. Chi phí khác	32		-	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.017.965.354	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	5.754.491.338	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		17.263.474.016	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu này chỉ áp dụng đối với công ty cổ phần

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THUẬN THIÊN

3.1 MỘT SỐ NHẬN XÉT CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THUẬN THIÊN

Bước sang nền kinh tế thị trường, khi mà các doanh nghiệp gặp vô vàn những khó khăn trong thị trường cạnh tranh đầy thách thức như hiện nay thì công ty vẫn đứng vững và ngày càng phát triển bền vững. Doanh thu và lợi nhuận của công ty tăng lên qua các năm, thu nhập của người lao động theo đó cũng được cải thiện, số lượng khách hàng ngày càng nhiều. Đó là kết quả của sự cố gắng và nỗ lực lâu dài của toàn thể ban Giám đốc và của sự lao động tích cực của các cán bộ nhân viên trong công ty.

Có thể nói rằng, để có thể tồn tại và phát triển, mỗi doanh nghiệp phải tìm cho mình một chiến lược kinh doanh phù hợp để nâng cao khả năng cạnh tranh trong thị trường ngày nay. Doanh thu bán hàng là nguồn thu nhập, do vậy công ty ý thức được tầm quan trọng của công tác tiêu thụ và luôn đặt nhiệm vụ tổ chức tốt công tác tiêu thụ lên hàng đầu. Để thực hiện mục tiêu này, công ty đã tổ chức một bộ máy kế toán nhạy bén với nhiệm vụ, cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ hỗ trợ cho công tác quản lý của ban lãnh đạo công ty. Đặc biệt là bộ phận kế toán tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả tiêu thụ đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong việc phản ánh tình hình tiêu thụ một cách chi tiết về số lượng, doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán... và đã trở thành một công cụ đắc lực giúp ban lãnh đạo công ty ra quyết định kinh doanh một cách đúng đắn.

3.1.1 Ưu điểm:

**) Hình thức kế toán áp dụng*

Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Với kết cấu đơn giản, dễ ghi chép hình thức này rất phù hợp với công tác kế toán tại

doanh nghiệp, đảm bảo hệ thống kế toán của doanh nghiệp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho công tác quản lý của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, công ty sử dụng phần mềm kế toán Sas Innova giúp cho công tác kế toán giảm bớt công việc ghi chép, đồng thời công việc hạch toán kịp thời và chính xác hơn.

****) Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán***

Bộ máy kế toán được tổ chức có sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Cán bộ phòng kế toán đều là những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình được bố trí công việc hợp lý, phù hợp với năng lực của từng người, không những thế cán bộ kế toán Công ty còn không ngừng học hỏi, nâng cao kiến thức hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp trên giao cho.

****) Hệ thống chứng từ kế toán***

Việc xây dựng hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản của công ty được vận dụng đúng theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Chứng từ được tổ chức hợp lý, ghi chép đầy đủ, trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sổ sách của Công ty được tổ chức chặt chẽ, thuận tiện cho quá trình ghi chép và lập Báo cáo tài chính.

Các chứng từ liên quan đến công tác hạch toán chi phí sản xuất như: Bảng tính và phân bổ khấu hao, Hoá đơn, chứng từ chi tiền mặt.... được thiết lập đầy đủ, qui trình luân chuyển chặt chẽ, thuận tiện cho công tác tính giá thành sản phẩm. Do sử dụng kế toán máy nên việc xử lý thông tin trên các chứng từ khá đơn giản, việc tính giá thành có thể được thực hiện nhanh chóng và chính xác. Thông qua đó nâng cao độ tin cậy của báo cáo tài chính và giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời.

****) Về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả KD:***

Trải qua một quá trình phát triển công ty đã dần hoàn thiện công tác hạch toán của mình. Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế và những thay đổi mới về chế độ kế toán để áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hệ thống tài khoản và phương pháp hạch toán được áp dụng phù hợp với những quy

định mới của bộ tài chính. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã biết gắn liền giữa tình hình sản xuất kinh doanh tại công ty với những nguyên tắc trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hạch toán nhanh chóng, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh góp phần đảm bảo thống nhất và nhịp nhàng trong công tác hạch toán. Hơn nữa, bộ máy kế toán còn đáp ứng số liệu báo cáo kế toán phục vụ cho nhu cầu của ban lãnh đạo công ty.

3.1.2 Nhược điểm

Nhìn chung, công tác kế toán của Nhà máy được tổ chức chặt chẽ, hiệu quả tuân thủ chế độ kế toán. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan mà công tác kế toán vẫn còn một số điểm chưa hoàn thiện:

****) Về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQ KD:***

Việc tập hợp và hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tương đối hoàn chỉnh nhưng việc hạch toán doanh thu chưa thật chi tiết và phản ánh chưa rõ đặc thù khi doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được tạo ra từ việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ kèm theo. Công ty vẫn chưa mở sổ chi tiết bán hàng để theo dõi từng loại mặt hàng bán ra.

****) Về việc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:***

Ở công ty hầu như không xuất hiện trường hợp khách hàng trả lại hàng bán hay giảm giá hàng bán do hàng bị kém phẩm chất. Tuy nhiên, trong quá trình kinh doanh không thể đảm bảo chắc chắn rằng sản phẩm cung cấp trên thị trường là đạt tiêu chuẩn. Khi khách hàng mua phải sản phẩm kém phẩm chất thì việc trả lại và giảm giá hàng bán là điều không thể tránh khỏi. Vì vậy, công ty cần theo dõi các nghiệp vụ trả lại cũng như giảm giá hàng bán ra.

Trên thực tế, công ty đã có phát sinh trường hợp trên và công ty đã hạch toán giảm giá hàng bằng cách trừ ngay vào giá trị hàng bán, hạch toán chiết khấu thương mại vào chi phí bán hàng. Như vậy, sẽ không thuận lợi cho việc theo dõi các loại hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán hay chiết khấu thương mại phát sinh như thế nào và sẽ gây khó khăn cho việc xác định doanh thuần.

***) Về chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:**

Để xác định kết quả kinh doanh chính xác thì việc quản lý và hạch toán chi phí phải hợp lý và đúng đắn. Tại Công ty cổ phần đầu tư Thuận Thiên, kế toán không tiến hành phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng loại để có thể xác định được kết quả một cách đúng đắn cho từng loại hàng hóa.

***) Việc thanh toán công nợ:**

Việc giải quyết tình trạng chiếm dụng vốn là một vấn đề nan giải của nhiều nhà quản lý. Do công ty không áp dụng các phương pháp khuyến khích khách hàng thanh toán sớm tiền (như áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) nên dẫn đến tình trạng thu hồi nợ của công ty diễn ra chậm.

3.2 MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THUẬN THIÊN

3.2.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện:

Sự thành bại của một doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào công tác kế toán. Thông qua việc kiểm tra, tính toán, ghi chép, phân loại, tổng hợp nghiệp vụ phát sinh bằng hệ thống phương pháp khoa học của kế toán: chứng từ, đối ứng tài khoản, tính giá, tổng hợp cân đối có thể biết được thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời toàn diện về tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong công tác kế toán của Công ty. Bởi phần hành này phản ánh một cách trực tiếp các thông tin về sản phẩm, khách hàng, thị trường tiêu thụ, khả năng bù đắp chi phí và tạo ra lợi nhuận trong kỳ. Bất kỳ một sự hạn chế nào trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đều ảnh hưởng đến tính chính xác và kịp thời của thông tin kế toán tại doanh nghiệp. Do vậy việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh là hết sức cần thiết.

Hoàn thiện là cần thiết và tất yếu, nhưng để đảm bảo tính khoa học trong

việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì các biện pháp hoàn thiện phải có tính khả thi, phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Do đó, hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cần phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

Thứ nhất, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng các cơ chế tài chính, chế độ kế toán. Kế toán không chỉ là công cụ quản lý của doanh nghiệp, nó còn là công cụ quản lý tài chính quan trọng của Nhà nước. Tuy nhiên việc Nhà nước ban hành các cơ chế tài chính, văn bản pháp lý chỉ mang tính chất tổng hợp và hướng dẫn cho các doanh nghiệp. Việc tổ chức kế toán tại doanh nghiệp cần phải vận dụng sáng tạo, linh hoạt, tránh dập khuôn máy móc.

Thứ hai, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công tác kế toán nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học, đảm bảo hiệu quả của công tác kế toán nói chung.

Thứ ba, hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau. Chính vì vậy, việc vận dụng chế độ kế toán sao cho phù hợp với trình độ của doanh nghiệp, ngành nghề sản xuất kinh doanh, điều kiện vật chất... của doanh nghiệp là cần thiết.

3.2.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Kiến nghị 1: Về công tác tổ chức kế toán tiêu thụ và xác định KQ KD

Đối với bộ phận kế toán tiêu thụ và xác định kết quả cần phải mở sổ chi tiết bán hàng, thường xuyên ghi chép phản ánh chính xác, đầy đủ khối lượng hàng hoá bán ra, số hàng hoá đã giao cho các cửa hàng tiêu thụ và tình hình tiêu thụ số hàng đó để phản ánh kịp thời giá vốn làm cơ sở cho việc tính chỉ tiêu lợi nhuận gộp, lợi nhuận thuần trong kỳ và doanh thu cùng các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí bán hàng để từ đó xác định chỉ tiêu doanh thu thuần cũng như lợi tức thuần về tiêu thụ được xác định.

Biểu số 3.1: Mẫu sổ chi tiết bán hàng (trang bên): Sổ này mở theo từng sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ đã bán hoặc đã cung cấp được khách hàng thanh toán tiền ngay hay chấp nhận thanh toán

Mẫu số 3.1: Mẫu sổ chi tiết bán hàng**Đơn vị: Công ty CPĐT Thuận Thiên****Mẫu số S35 - DN****Địa chỉ: Số 51 Lạch Tray-HP***Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**Ngày 20/2/2006 của Bộ trưởng BTC***SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG****Tên sản phẩm:** USB loại 2GB

Năm: 2010

Quyển số:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531 532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
20/12		20/12	Xuất bán cho Công ty CPTM số Duy Anh	1111	50	150	7.500.000	750.000	
			Cộng số phát sinh				7.500.000		
			- Doanh thu thuần				3.500.000		
			- Giá vốn hàng bán				4.000.000		
			- Lãi gộp						

Người ghi sổ*(Ký, họ tên)**Ngày ... tháng ... năm**(Ký, họ tên)*

❖ **Kiến nghị 2: Về việc phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN;**

Việc phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp này giúp cho công ty có thể tính lãi, lỗ của từng loại mặt hàng. Vì chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến mọi mặt của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nên theo em nên chọn hai tiêu thức phân bổ là doanh thu bán hàng của doanh nghiệp

Việc phân bổ 2 loại chi phí trên được tiến hành như sau:

$$\text{Chi phí bán hàng phân bổ cho loại sản phẩm A trong tháng} = \frac{\text{Tổng chi phí phát sinh trong tháng}}{\text{Tổng doanh thu trong tháng}} * \text{Doanh thu của sản phẩm A trong tháng}$$

$$\text{Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho loại sản phẩm A trong tháng} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong tháng}}{\text{Tổng doanh thu trong tháng}} * \text{Doanh thu của sản phẩm A trong tháng}$$

❖ **Kiến nghị 3: Về các khoản giảm trừ doanh thu**

Để giảm tối đa tình trạng bị chiếm dụng vốn từ phía khách hàng công ty nên áp dụng các khoản chiết khấu thanh toán trong bán hàng. Công ty cần có những biện pháp thiết thực như: nếu khách hàng thanh toán trước thời hạn thì sẽ áp dụng chiết khấu bao nhiêu phần trăm trên tổng giá thanh toán tại thời điểm đó, mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng có thể được xác định dựa vào: tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay của công ty, số tiền mua hàng phát sinh hoặc thời gian thanh toán tiền hàng. Như vậy công ty mới có khả năng thu hồi vốn nhanh, tăng được vòng quay luân chuyển vốn lưu động, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hạn chế được các khoản đi vay của công ty. Đồng thời công ty nên áp dụng các hình thức chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán để làm tăng lượng hàng hoá tiêu thụ và làm tăng tổng

doanh thu bán hàng.

❖ Kiến nghị 4: Về việc thu hồi nợ:

Công ty phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản 139. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau: Đối với những khoản nợ được xác định là khó đòi dưới 01 năm mức trích lập là 30%, từ 01 năm đến 02 năm mức trích lập là 50%, từ 02 năm đến 03 năm mức trích lập là 70%, trên 03 năm thì được coi là khoản nợ không đòi được

- Theo quy định hiện hành thì các khoản phải thu được coi là khoản phải thu khó đòi phải có các bằng chứng chủ yếu sau:

+ Số tiền phải thu theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi

+ Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ

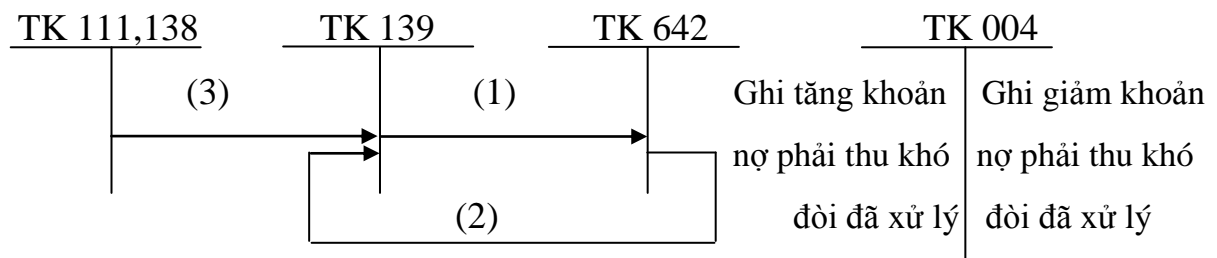
Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là

+ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong Hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa được

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn

Cuối kỳ kế toán, Công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Số đề kế toán dự phòng phải thu khó đòi



(1): Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập ở cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm

(2): Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí

(3): Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ (việc xoá nợ phải theo đúng chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường hiện nay, vấn đề kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quyết định tới sự tồn tại của mỗi doanh nghiệp. Công tác kế toán nghiệp vụ này trong kinh doanh sẽ giúp cho các doanh nghiệp xác định đúng đắn kết quả kinh doanh và sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong hoạt động của mình. Vì thế, hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh không chỉ là của Công ty CPĐT Thuận Thiên mà còn là vấn đề quan tâm của tất cả các doanh nghiệp khác và của cả nền kinh tế quốc dân hiện nay.

Kế toán là một công cụ giúp cho doanh nghiệp tham gia kinh doanh luôn nắm bắt được những gì đã làm, cần làm và sẽ làm, đồng thời nó cũng là một công cụ quản lý của tất cả các nhà kinh doanh trong mọi lĩnh vực. Hoạt động kinh doanh cũng vậy, rất cần đến kế toán để làm công tác quản lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý tiêu thụ hàng hoá, cơ sở vật chất và sự vận động của vốn kinh doanh sao cho an toàn và hiệu quả.

Trong thời gian thực tập ở Công ty CPĐT Thuận Thiên đã giúp em củng cố lại kiến thức đã học tại trường và còn giúp em bước đầu có những hiểu biết thực tế về công tác Kế toán. Để đạt được điều này, em đã được sự chỉ bảo nhiệt tình của Thạc sỹ Phạm Văn Tường và cán bộ phòng tài chính kế toán ở Công ty CPĐT Thuận Thiên.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại cơ sở thực tập và kiến thức còn ít ỏi mà em đã tích lũy được trong suốt quá trình học tập tại ghế nhà trường, em xin mạnh dạn đưa ra một số đề nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPĐT Thuận Thiên. Do kiến thức về mặt lý luận còn hạn chế nên chắc chắn bài báo cáo này còn nhiều thiếu sót, em mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô để hoàn thiện bài viết một cách tốt nhất và giúp cho bản thân em có điều kiện tìm hiểu môi trường thực tiễn để nâng cao các nghiệp vụ chuyên môn của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, Ngày 28 tháng 06 năm 2011

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình “Kế toán quản trị” – Nhà xuất bản Lao Động – Xã Hội năm 2002
2. Giáo trình “Tổ chức công tác kế toán” của trường Đại học Tài Chính Kế Toán.
3. Giáo trình “Kinh tế quốc tế” của trường Đại học Kinh tế Quốc Dân.
4. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – 6 chuẩn mực kế toán mới – Nhà xuất bản Tài Chính năm 2004.
5. Hệ thống kế toán doanh nghiệp. Hướng dẫn về chứng từ, sổ sách kế toán.
6. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính – PGS . TS Nguyễn Văn Công. Nhà xuất bản Tài Chính năm 2004.
7. Tài liệu từ các bản luận văn khác.
8. Tài liệu “Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH dịch vụ tiếp vận GLOBAL” cùng hệ thống chứng từ và sổ sách kế toán của công ty.
9. Các tài liệu khác trên Internet.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	3
1.1.1. Một số khái niệm về các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	3
1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu	4
1.1.3. Nguyên tắc xác định doanh thu	4
1.1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	5
1.2. TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	6
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	11
1.2.2.1. Kế toán chiết khấu thương mại	11
1.2.2.2. Kế toán hàng bán bị trả lại	12
1.2.2.3. Kế toán giảm giá hàng bán	13
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán	14
1.2.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho	14
1.2.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	18
1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	20
1.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng	20
1.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	21
1.2.5. Kế toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp	24
1.2.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	24
1.2.7. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	26
1.2.7. Kế toán thu nhập khác	27

1.2.8. Kế toán chi phí khác.....	29
1.2.9. Xác định kết quả kinh doanh.....	31
1.3. CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG TRONG DOANH NGHIỆP: ..	33
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	33
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái	33
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	34
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	35
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	36
Chương 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CPĐT THUẬN THIÊN.....	38
2.1 ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY CPĐT THUẬN THIÊN	38
2.1.1. Giới thiệu chung về công ty	38
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp:	38
2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh:	38
2.1.4. Những thuận lợi, khó khăn và thành công của doanh nghiệp:.....	39
2.1.5. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp:	40
2.1.6. Tổ chức công tác kế toán tại công ty:	44
2.1.6.1. Tổ chức bộ máy kế toán:	44
2.1.6.2. Đặc điểm hình thức hạch toán kế toán.....	46
2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THUẬN THIÊN.....	51
2.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CPĐT Thuận Thiên	51
2.2.1.1. Đặc điểm công tác bán hàng	51
2.2.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng:	52
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng:.....	52
2.2.1.4. Phương pháp hạch toán doanh thu:	52

2.2.1.5. Trình tự kế toán bán hàng trên máy vi tính.....	53
2.2.2. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính	63
2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí tại công ty CPĐT Thuận Thiên	68
2.2.3.1 Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán:	68
2.2.3.2 Tổ chức kế toán chi phí bán hàng	72
2.2.3.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	77
2.2.3.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	82
2.2.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPĐT Thuận Thiên.....	85
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THUẬN THIÊN.....	92
3.1 MỘT SỐ NHẬN XÉT CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THUẬN THIÊN.....	92
3.1.1 Ưu điểm:.....	92
3.1.2 Nhược điểm.....	94
3.2 MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THUẬN THIÊN.....	95
3.2.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện:	95
3.2.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	96
KẾT LUẬN	101
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	102